

Số: 06/2026/CV-MP

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX**

- Mã chứng khoán: MED

- Địa chỉ: 358 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Mai Nhật Thanh

Loại thông tin công bố: ☒ định kỳ ☐ bất thường theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2025

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/04/2026 tại đường dẫn: <http://www.mediplantex.com/vi/thong-tin-co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG
MEDIPLANTEX**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Mai Nhật Thanh

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

**Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
Tên Tiếng anh	Mediplantex National Pharmaceutical Joint Stock Company
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0100108430
Vốn điều lệ	124.100.000.000 VNĐ
Địa chỉ	358 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Hà Nội
Số điện thoại	024.3668.6109
Website	http://www.mediplantex.com/
Mã cổ phiếu	MED

❖ Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân là Công ty dược liệu Trung ương 1, Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 4410/QĐ-BYT ngày 07/12/2004 của Bộ Y tế về việc chuyển đổi hình thức sở hữu từ DNNN thành Công ty cổ phần. Ngày 12/04/2005 Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex. Với bề dày hơn 50 năm hình thành và phát triển, trong đó có 20 năm hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Công ty đã từng bước củng cố năng lực sản xuất công nghiệp, mở rộng hoạt động kinh doanh trong nước và xuất khẩu...

Công ty đã có nhiều thay đổi trên các phương diện tổ chức nhân sự, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, khoa học công nghệ, thực hiện các dự án mang tầm quốc gia và của ngành, sớm nắm bắt nhu cầu điều trị của nhân dân. Hiện nay Công ty đang sản xuất trên 200 sản phẩm thuốc các loại như nhóm kháng sinh, thuốc hỗ trợ điều trị ung thư, thuốc sốt rét, thuốc tim mạch, thuốc tiêu đường, thuốc cảm sốt dị ứng, thuốc tăng cường chức năng gan và chống viêm gan, thuốc

phong thấp loãng xương, thuốc thần kinh an thần, thuốc tăng cường tuần hoàn não, thuốc đường hô hấp, thuốc đường ruột cho trẻ em. Công ty đã sản xuất nhiều sản phẩm với chất lượng tốt, đủ sức cạnh tranh trong nước và xuất khẩu ra một số quốc gia khác

Với tinh thần lao động sáng tạo không mệt mỏi và liên tục của các thể hệ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty, từ ngày thành lập đến nay, Công ty luôn đứng vững và phát triển với vai trò là một Công ty đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất và phân phối dược phẩm, đóng góp tích cực cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Từ 1961- 1990: Công ty Dược liệu cấp 1 DNNN- trực thuộc Trung ương Bộ Y tế.

Từ 1991- 2004: Công ty Dược liệu Trung ương I, từng bước chuyển mình từ DNNN thành Công ty cổ phần

Từ 2005 - 2010: Công ty thực hiện giai đoạn cổ phần hóa, chuyển đổi từ DNNN thành CTCP và thay đổi tên gọi “Công ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex”

Từ 2010 - 2017: Công ty từng bước đổi mới phát triển và đẩy mạnh hội nhập thị trường Dược trong và ngoài nước. Công ty đạt danh hiệu Top 500 Thương hiệu Việt.

Từ 2017- 2019: Giai đoạn khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường trong nước và vươn xa ra thế giới.

Ngày 18/03/2020: Niêm yết cổ phiếu MED trên sàn giao dịch chứng khoán HN

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1 Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108430 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 01/07/2024, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh và thực phẩm dưỡng sinh, lương thực, thực phẩm; vắc xin và sinh phẩm y tế.
- Kinh doanh nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, phụ liệu, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), chất màu phục vụ cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và công nghệ
- Mua bán máy móc, thiết bị y tế, thiết bị bao bì phục vụ cho sản xuất tân dược, thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng
- Trồng cây dược liệu
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà cửa, kho.
- Dịch vụ môi giới đầu tư, môi giới thương mại và ủy thác xuất nhập khẩu
- Khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền
- Dịch vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tư vấn, đào tạo huấn luyện

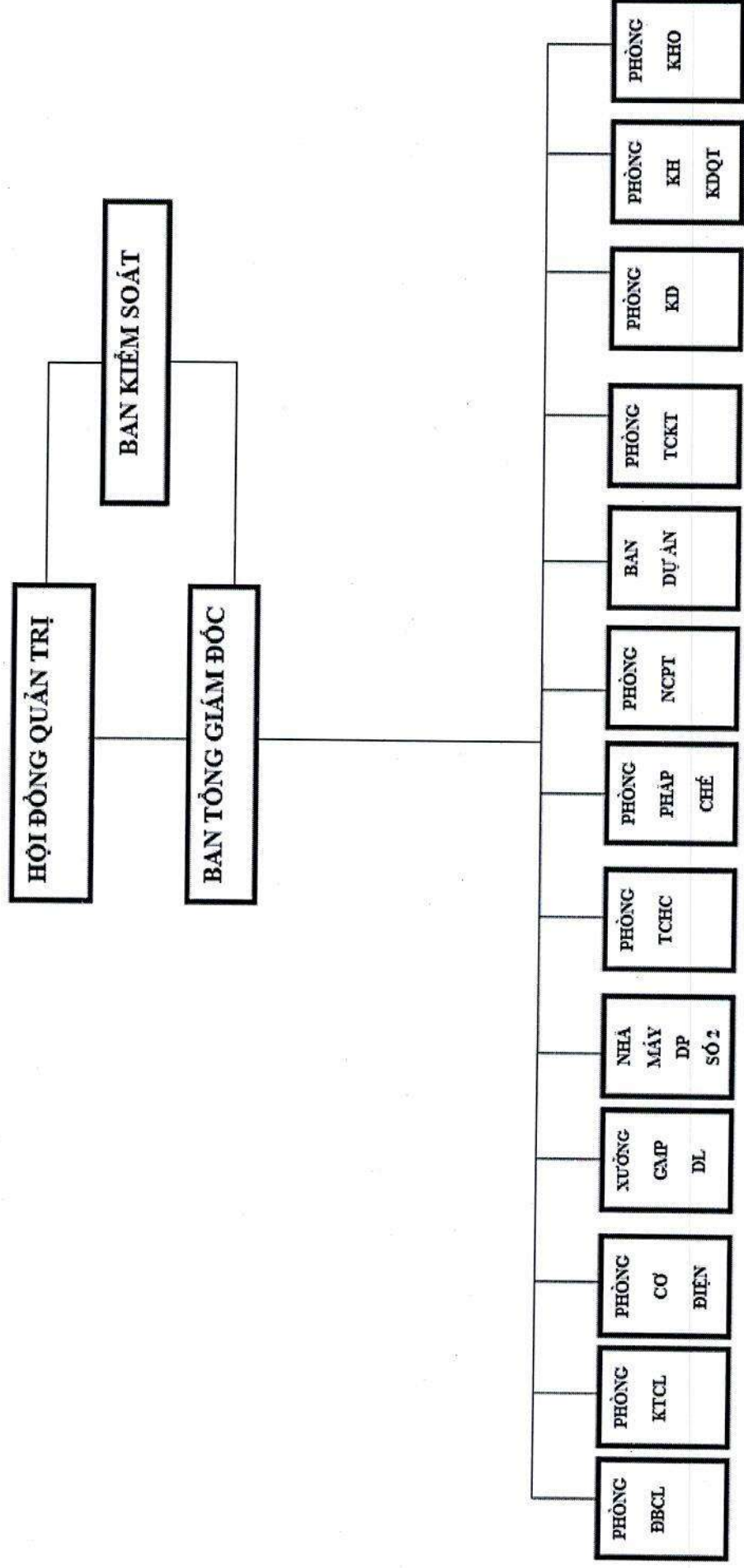
chuyên ngành y dược.

2.2 Địa bàn kinh doanh:

Phòng kinh doanh đặt tại Trụ sở chính của Công ty chịu trách nhiệm phân phối tất cả các sản phẩm của Công ty đến các đối tác khách hàng, đặc biệt là các khách hàng lớn như Dược phẩm An hy, Dược phẩm Robinson, Minh An, Hưng Việt, Đông Nam Á v.v... Ngoài ra Công ty phát triển thị trường thông qua 3 nhà phân phối chính tại miền Bắc, miền Nam và miền Trung. Mục tiêu sản lượng tiêu thụ thông qua hệ thống nhà phân phối này chiếm khoảng 50% tổng sản lượng tiêu thụ của Công ty.

Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex không chỉ sản xuất, kinh doanh phục vụ thị trường trong nước mà còn xuất khẩu sang một số nước trên thế giới trong đó chủ yếu là các nước Đông Nam Á như: Myanmar, Lào, Campuchia... Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là thành phẩm thuốc chữa bệnh có thành phần tân dược, đông dược.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần có cơ cấu tổ chức gồm:

Đại hội đồng cổ đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ chức năng

- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề liên quan, đến quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty
- Hội Đồng Quản Trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
- Ban kiểm soát: Là cơ quan do đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc
- Ban Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người điều hành, có thẩm quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các công việc và nhiệm vụ được giao
- Các phòng ban chức năng: Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chuyên môn do Ban Tổng Giám đốc giao
 - Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Công ty xây dựng các chiến lược tăng trưởng cho mục tiêu chủ yếu của Công ty: tăng cường khai thác thị trường xuất khẩu, đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng chủ lực có nguồn gốc từ dược liệu đồng thời nâng cao năng lực của 02 đơn vị sản xuất Đông dược và Tân dược.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Công ty chú trọng đầu tư phát triển sản xuất theo hướng công nghiệp, sản xuất các loại thuốc có giá trị cao, đẩy mạnh nghiên cứu, tạo ra nhiều mặt hàng mới được người tiêu dùng ưa chuộng và có giá trị kinh tế cao
- Tạo dựng hình ảnh thương hiệu tốt trong lòng người tiêu dùng, xây dựng thương hiệu Mediplantex trở thành thương hiệu nổi tiếng và được yêu thích.

4.3 Các mục tiêu ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Kiểm soát chất lượng sản phẩm để không có sản phẩm bị thu hồi về chất lượng trên

toàn quốc ở tất cả các cấp.

– Tăng cường công tác nghiên cứu để đưa ra thị trường những sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng và mang lại lợi ích cho Công ty.

– Chủ trương duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định, nâng cao hiệu quả quản lý tài chính được lãnh đạo Công ty đặc biệt chú trọng

– Công ty chủ động trong việc tìm nguồn vốn có chi phí thấp để đầu tư mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao

– Xây dựng chế độ đãi ngộ hấp dẫn nhằm thu hút nhiều nhân lực có bằng Đại học và có năng lực cao.

– Thực hiện trẻ hóa nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm, tâm huyết và tận tụy luôn được Công ty chú trọng

– Công ty đẩy mạnh đầu tư, phát triển các mặt công tác quản lý chất lượng, nghiên cứu phát triển, quản lý tài chính

5. Các rủi ro:

Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị rủi ro dựa trên những thông lệ và chuẩn mực quốc tế, đồng thời áp dụng linh hoạt phù hợp với mô hình hoạt động Công ty và môi trường hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã nhận diện những rủi ro chính ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh gồm:

Loại rủi ro	Nhận diện rủi ro	Biện pháp kiểm soát
Rủi ro chiến lược		
Rủi ro kế hoạch	Thiếu kế hoạch chiến lược thích đáng để đáp ứng các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty	Liên tục theo dõi, rà soát và điều chỉnh (khi cần thiết) đối với Chiến lược. Xây dựng và ban hành các Tài liệu kiểm soát liên quan tới việc lập và Triển khai các mục tiêu
Rủi ro pháp lý	Các chính sách liên quan tới ngành được chưa được điều chỉnh kịp thời tác động đến xây dựng chiến lược về đầu tư, sản phẩm sản xuất và đối tượng khách hàng	Tiếp cận kịp thời và tích cực tham gia đóng góp vào việc xây dựng các quy định pháp lý ngành được đề nắm bắt nhanh chóng các thay đổi pháp lý nhằm điều chỉnh các kế hoạch dài hạn của Công ty
Rủi ro môi trường kinh tế toàn cầu	Việc không nhanh chóng thích nghi với những thay đổi về kinh tế và xã hội toàn cầu dẫn tới những ảnh hưởng bất ngờ cho Công ty trong việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh	Thường xuyên cập nhật các thay đổi của môi trường kinh tế, đánh giá và phân tích các ảnh hưởng đến Công ty

Rủi ro nhân sự kế thừa	Vị trí quan trọng bị trống do không thể tìm kiếm được người thích hợp trong một khoảng thời gian ngắn	Tiếp tục triển khai công tác quy hoạch nhân sự kế thừa xuống các cấp độ thấp hơn, đảm bảo đội ngũ nhân sự kế cận cho tất cả các cấp độ
Rủi ro hoạt động		
Rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào	Hiện nay, ngành công nghiệp hóa chất cơ bản, công nghiệp hóa dầu nước ta chưa phát triển mạnh, vì vậy khoảng 90% nguyên liệu để sản xuất thuốc đến từ nhập khẩu, các khoản chi phí nhập khẩu, biến động về tỷ giá và giá cả sẽ khó kiểm soát, ảnh hưởng đến lợi nhuận của các Công ty dược phẩm	Chủ động tìm các đối tác trong và ngoài nước có nguồn cung ổn định và chất lượng, tránh rủi ro phát sinh về biến động giá nguyên liệu đầu vào. Chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa các Bộ định mức vật tư tiêu hao nguyên vật liệu để tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm
Rủi ro trong hoạt động sản xuất của nhà máy	Hoạt động trong ngành hóa dược phát sinh rủi ro xảy ra tai nạn lao động, tai nạn cháy nổ	Luôn đề cao tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động, quy trình trong sản xuất, quy trình sử dụng thiết bị. Đội phòng cháy chữa cháy được đào tạo bài bản để sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra
Rủi ro trong hoạt động kinh doanh	Hoạt động sản xuất gia công và cắt lô có mức độ cạnh tranh cao về giá, gây áp lực lên biên lợi nhuận của Công ty	Xây dựng nhà máy tiêu chuẩn EU-GMP tại KCN cao Hòa Lạc. nghiên cứu để sản xuất các sản phẩm thuốc có chất lượng tương đương thuốc nhập khẩu nhưng giá thấp. Cơ cấu lại danh mục sản phẩm theo hướng tinh gọn, hiệu quả để định vị đúng thị trường, đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm chủ lực đạt doanh thu, lợi nhuận cao. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới
Rủi ro thiên tai	Hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, bão lớn, mưa kéo dài... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty	Công ty đã tiến hành tham gia mua bảo hiểm cho tài sản mà Công ty đang khai thác, sử dụng
Rủi ro hoạt động		

Rủi ro trong quản lý sản phẩm và hàng tồn kho	Rủi ro về chất lượng thuốc khi ra thị trường và việc bảo quản của nhà phân phối, đại lý, nhà thuốc nằm ngoài khả năng kiểm soát làm ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng, độ tin cậy của thương hiệu Mediplantex	Phối hợp tốt với các cơ sở y tế và cơ quan kiểm nghiệm các cấp để nắm bắt thông tin nhanh chóng và có quy trình xử lý kịp thời, trên nguyên tắc an toàn sức khỏe của người tiêu dùng là trên hết
	Không xử lý kịp thời nguyên liệu hoặc thành phẩm tồn kho hết hạn, giảm chất lượng và phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Định hướng xu thế phát triển sản phẩm để dự kiến lượng hàng sản xuất và tồn kho, đẩy mạnh tiêu thụ những mặt hàng có số lượng tồn kho lớn. Lập kế hoạch sản xuất sát với nhu cầu bán hàng và sức tiêu thụ của khách hàng. Thực hiện nhập trước xuất trước, nhập sau xuất sau đối với sản phẩm lưu kho để giảm rủi ro hết hạn
Rủi ro tài chính		
Rủi ro biến động lãi suất	Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội	Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất này thông qua các biện pháp như: kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, tối ưu hóa việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền, ưu tiên thanh toán nợ trước hạn đối với các khoản vay có lãi suất cao, cơ cấu lại các khoản vay từ lãi suất cao xuống lãi suất thấp
Rủi ro biến động tỷ giá	Tỷ giá ngoại tệ trong năm biến động nhỏ nhưng nguồn nguyên liệu đầu vào phải nhập khẩu tương đối lớn, nên biến động tỷ giá cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty	Chủ động trong việc dự báo biến động tỷ giá và xây dựng mối quan hệ tốt với các ngân hàng có nguồn ngoại tệ dồi dào. Từng bước xem xét và triển khai việc sử dụng các công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro tỷ giá

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025
I	Sản xuất công nghiệp				
1	Sản lượng 2 nhà máy:	Đ.vị sp	513.703.843	527.276.257	102,6%
	Nhà máy số 1	Đ.vị SP	87.055.738	94.723.410	108,8%
	Nhà máy số 2	Đ.vị SP	426.648.105	425.500.000	99,7%
II	Tổng hợp toàn Công ty				
1	Tổng doanh thu	VNĐ	299.907.000.113	366.829.618.233	122,3%
2	Tổng giá vốn hàng bán	VNĐ	223.094.819.228	281.042.627.390	126,0%
3	Lợi nhuận gộp	VNĐ	76.812.180.885	85.786.990.843	111,7%
5	Chi phí tài chính	VNĐ	3.850.000.000	3.675.219.722	95,5%
7	Chi phí bán hàng	VNĐ	5.009.034.126	4.734.375.295	94,5%
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VNĐ	55.049.459.188	58.626.773.654	106,5%
III	Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	12.903.687.571	20.659.417.001	160,1%

Tổng doanh thu năm 2025 đạt 366,8 tỷ đồng, tương đương 122,3% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 20,6 tỷ đồng, tương đương 160,1% kế hoạch năm.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Quá trình công tác	Tỷ lệ sở hữu
1	Mai Nhật Thanh Tổng giám đốc Bổ nhiệm từ ngày 02/01/2025	Tổng giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2006 – 2008: Giám sát bán hàng và Marketing tại DOUBLE A PAPER - Từ 2008 – 2010: Trưởng phòng kinh doanh & xuất khẩu tại Glazt Paper Manufacturing - Từ 2010-2016: Quản lý khách hàng trọng điểm tại Công ty Avery Dennison tại Việt Nam - Từ 2017-2019: Trưởng phòng Kinh Doanh tại ASIA PULP & PAPER (APP) tại Việt Nam 	0%

			-Từ 2020-2021: Trưởng phòng Kinh Doanh – Đại diện NIPETER ASIA PACIFIC tại Việt Nam -Từ 2021-2023: Freelancer – Chuyên tư vấn phát triển và huấn luyện đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực in ấn & bao bì -Từ 2024-2025: Giám đốc ngành hàng tại RIECKERMANN VIỆT NAM	
2	Trần Xuân Đình Bổ nhiệm từ 26/06/2024 Miễn nhiệm TGD từ 02/01/2025 Miễn nhiệm TV HĐQT từ 30/06/2025	TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc	2014-2017 : Ngân hàng Citibank : Quản lý 2018-2020: Công ty Manulife : Giám đốc kinh doanh đối tác mảng doanh nghiệp 2021- 2024: Giám đốc cao cấp quản lý kinh doanh cụm khu vực 06/2024-06/2025: TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex	0%
3	Trần Anh Tuấn	Kế Toán trưởng	06/2002 – 07/2008: Kiểm toán Công ty Kiểm toán AASC 08/2008-01/2014: Giám đốc tài chính kiêm KTT Công ty TNHH Công nghiệp và Khoáng sản Việt 01/2014-06/2016 : Giám đốc tài chính kiêm KTT Công ty CP Lâm nghiệp tháng năm 06/2016- 07/2017: Kiểm toán nội bộ - chuỗi sữa TH 06/2017-05/2022 Trưởng ban TCKT kiêm KTT Tổng Công ty Dược VN - CTCP 06/2022- 01/2024: Giám đốc tài chính Công ty CP Hàng không Tre Việt 01/2024-06/2024: Phó Tổng giám đốc tài chính Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex 07/2024- nay : Kế toán trưởng Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex	0%
4	Trần Nguyễn Hoàng Ân	TV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	Từ 01/2022-04/2024 : Phòng xuất nhập khẩu Trade associate of Asia - Bangkok 06/2024-nay: TV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex	0,16%

5	Lê Thành Lâm Bổ nhiệm từ 01/11/2024 Miễn nhiệm từ 12/09/2025	Phó Tổng giám đốc	11/2005 - 3/2008: Chuyên viên nghiên cứu - Phòng nghiên cứu phát triển Công ty cổ phần Dược trung ương Mediplantex	0%
			04/2008 - 6/2010: Phó trưởng phòng - Phòng nghiên cứu phát triển Công ty cổ phần Dược trung ương Mediplantex	
			07/2010 - 11/2024: Trưởng phòng - Phó trưởng phòng - Phòng nghiên cứu phát triển Công ty cổ phần Dược trung ương Mediplantex	
			11/2024-09/2025: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược trung ương Mediplantex	

2.2 Chính sách Nhân lực:

Hiện nay tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 316 lao động. Công ty luôn xây dựng chế độ đãi ngộ hấp dẫn nhằm thu hút thêm nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đặc biệt là đối với các Dược sĩ đại học.

Thực hiện trẻ hóa nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm, tâm huyết và tận tụy luôn được Công ty chú trọng.

Chính sách lương thưởng thường xuyên được cải tiến theo hướng có lợi cho người lao động, tạo động lực hơn nữa thúc đẩy sáng tạo và đóng góp tích cực của cán bộ nhân viên.

Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên phát động và tổ chức các phong trào thi đua trong sản xuất, phát huy sáng tạo, cải tiến năng suất, tiết kiệm trong sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Công ty tổ chức mô hình nhân sự của ban điều hành và sắp xếp lại lao động giữa các đơn vị cho phù hợp với tình hình sản xuất và quy mô nhân sự. Ngoài ra Công ty vẫn đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, đảm bảo việc chi trả lương thưởng, các chế độ phúc lợi như Lễ Tết, nghỉ mát, BHXH...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Danh sách những Công ty con: Không có

Danh sách những Công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	503.755.172.939	457.317.351.883	-9,22%
Doanh thu thuần	443.135.811.734	366.829.618.233	-17,22%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.505.896.390	20.121.771.714	8,73%
Lợi nhuận khác	912.211.504	537.645.287	-41,06%
Lợi nhuận trước thuế	19.418.107.894	20.659.417.001	6,39%
Lợi nhuận sau thuế	15.246.766.212	15.833.436.484	3,85%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	98%		
Tỷ lệ cổ tức	12%/ vốn điều lệ		

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025	Biến động
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	lần	1,46	1,63	11,41%
Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ NH	lần	0,96	0,89	-7,62%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,34	0,28	-17,65%
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	lần	0,52	0,38	-26,92%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK BQ)	lần	3,68	3,11	-15,49%
Vòng quay Tổng tài sản (DTT/TTS bq)	lần	0,8	0,76	-5,00%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,44%	4,32%	25,58%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	4,63%	4,78%	3,24%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân	%	2,77%	3,29%	18,77%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,18%	5,48%	31,10%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex
--------------	--

Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	
Mã chứng khoán	MED	
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu	
Ngày bắt đầu niêm yết	18/03/2020	
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	12.410.000	Cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	0	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	12.410.000	Cổ phiếu
Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng	0	Cổ phiếu

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cổ phần trở lên)	9.533.031	76,82%
	+ Trong nước	9.533.031	76,82%
	+ Nước ngoài	-	-
2	Cổ đông khác	2.876.969	23,18%
	+ Trong nước	2.875.069	23,17%
	+ Nước ngoài	1.900	0,01%
3	Cổ phiếu quỹ	-	-
Tổng cộng		12.410.000	100.0%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thời điểm	Số lượng cổ phần phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành (VNĐ)	Phương thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
14/04/2005	130.097	17.000.000.000		Công ty thành lập và đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Góp vốn từ Tổng Công ty Dược Việt Nam và 580 cổ đông.

25/05/2006	209.910	37.991.000.000	Phát hành thêm 209.910 cổ phiếu trong năm với giá thấp nhất là 140.000đ/ cổ phần tăng vốn điều lệ lên 37.991.000.000đồng tương đương với 379.910 cổ phần. Ưu tiên bán cho CBCNV Công ty, các cổ đông, đối tác chiến lược để đầu tư sản xuất.	Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên lần thứ nhất ngày 08/04/2006. Biên bản họp HĐQT số 15/HĐQT ngày 26/04/2006
07/11/2007	1.225.000	50.241.000.000	Phát hành thêm 1.225.000 cổ phiếu, bán cho các đối tượng như cổ đông hiện hữu, cán bộ, công nhân viên, đối tác chiến lược.	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/09/2007. Nghị quyết HĐQT số 1601/NQ-HĐQT ngày 16/10/2007
25/06/2012	1.256.025	62.800.950.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 1.255.995 cổ phiếu, chiếm 99,99% tổng số cổ phiếu được phép phát hành 1.256.025 cổ phiếu. Vốn điều lệ sau khi phát hành: 62.800.950.000.	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu thưởng công văn số 12/MED/2012 ngày 25/06/2012 gửi UBCK
08/04/2022	12.410.000	124.100.000.000	Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 6.129.905 cổ phiếu, chiếm 97,61% tổng số cổ phiếu được phép phát hành. Vốn điều lệ sau khi phát hành: 124.100.000.000	Báo cáo kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 22/2022/CV-MP ngày 01/04/2022 gửi UBCKNN

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1 Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không có

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
I	Nhóm bao bì cấp 1	ĐVSP	2.212.823
1	Bông nhựa size 3	cái	96.305
2	Chai - Lọ nhựa các loại	Chai	198.275
3	Lọ thủy tinh các loại	Lọ	322.905
4	Nắp nhôm các loại	Cái	300.245
5	Màng Seal sóng từ và tự dính các loại	Cái	198.275
6	Màng nhôm có in các loại	kg	30.025
7	Màng nhôm ghép giấy các loại	kg	8.158
8	PVC trong các loại	kg	130.635
9	PVC màu các loại	kg	1.767
10	Màng PVdC các loại	kg	9.637
11	Tube nhôm các loại	tube	549.505
12	Tube nhựa các loại	tube	367.092
II	Nhóm bao bì cấp 2	ĐVSP	26.046.786
1	Túi nhôm và Metalai các loại	Cái	4.822.841
2	Nhãn giấy các loại	Cái	3.637.723
3	Đơn các loại	Cái	8.703.706
4	Hộp giấy các loại	Cái	8.707.105
5	Hòm carton các loại	Cái	160.093
6	Nhóm bao bì cấp 2 các loại khác	kg	15.318
III	Nguyên liệu sản xuất		0
1	Nguyên liệu - tá dược	kg	977.465
2	Nang cứng	Triệu nang	148.650
3	Dược liệu	kg	96.668

- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có

6.3 Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Công ty Mediplantex tập trung sản xuất thuốc tân dược, đông dược, gia công cho các Công ty Dược phẩm khác trên cả nước, cho nên sử dụng rất nhiều năng lượng phục vụ sản xuất và vận chuyển hàng:

Điện năng sử dụng trung bình: 3.005.350Kw/năm

Xăng dầu sử dụng trung bình: 7.875 lít/năm

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Mục tiêu “Sử dụng năng lượng hiệu quả, hướng tới phát triển bền vững” luôn được Mediplantex

chú trọng thực hiện trong suốt quá trình sản xuất và hoạt động. Công ty đã ra quy định thực hành tiết kiệm điện.

Đối với khối văn phòng:

- Công ty cho lắp đặt, nâng cấp toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng các thiết bị tiết kiệm điện.
- Xây dựng tòa nhà văn phòng theo hướng tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên thay vì sử dụng hệ thống chiếu sáng. Quy định tắt toàn bộ hệ thống điện sau khi tan làm
- Định kì bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí 6 tháng/lần nhằm duy trì hiệu suất tối đa cho hệ thống và tiết kiệm năng lượng
- Duy trì mức nhiệt độ phù hợp 24-27 độ C, tránh chênh lệch nhiệt độ với bên ngoài quá nhiều.
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa nhiệt độ sau 17:00. Quy định mở điều hòa không được mở cửa sổ

Đối với khối sản xuất

- Nhà máy phải tính toán để tăng cường sản xuất vào các giờ thấp điểm để tránh tăng tải và các giải pháp nâng cao hệ số công suất phản kháng.
 - CBCNV nhà máy luôn làm việc trong môi trường lành mạnh, sạch đẹp, thông thoáng khí để tăng năng suất lao động, giảm thiểu sử dụng hệ thống điều hòa
- b) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không có

6.4 Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn nước sạch tập trung
- Lượng nước Công ty và chi nhánh Mê Linh sử dụng trung bình : 19.057 m³/ năm

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

- Công ty xử lý nước thải qua nhiều bước và đạt tiêu chuẩn kiểm tra 4 lần/ năm và không sử dụng nước tái chế.
- Tính chất nước thải : Nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước : Số 63/GP-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019 do UBND thành phố Hà Nội cấp
- Hệ thống xử lý nước thải :

Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất chủ yếu do công đoạn vệ sinh dụng cụ và các thiết bị:
Nước thải sản xuất → Hồ thu gom & tách rác → Bể điều hòa → Bồn keo tụ → Bể phản ứng tạo bông, lắng 1 → Phản ứng Ozon → Bể ổn định hấp thụ → Bể Aroten → Bể lắng 2 → Bể chuyển tiếp → Tháp lọc áp lực (lọc mùi) → Thải ra nơi tiếp nhận → Công thoát nước chung của thành phố .

Nước thải sinh hoạt → Bể phốt 3 ngăn → Bể lọc → Nguồn tiếp nhận nước thải
→ Công thoát nước chung của thành phố.

Kết quả phân tích chất lượng nước thải định kỳ : Đạt tiêu chuẩn, 4 lần/ năm.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty tuân thủ đúng theo pháp luật về các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

Hiện nay tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 316 lao động trong đó 304 lao động chính thức, 12 lao động thử việc. Thu nhập bình quân toàn Công ty năm 2025 là 15.000.000 VNĐ/tháng/người và 180.000.000 VNĐ/năm/người. Tiền lương Công ty đều được chi đúng thời hạn.

Công ty chăm lo trực tiếp đến sức khỏe của người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 năm 1 lần cho tất cả CBCNV tại bệnh viện uy tín và có hồ sơ theo dõi sức khỏe cho CBCNV nhằm phát hiện sớm các bệnh để điều trị kịp thời, đảm bảo sức khỏe cho CBCNV yên tâm công tác.

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Công ty đều tổ chức bình bầu, đánh giá các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty bằng các giải thưởng như: Chiến sỹ thi đua của năm, Sáng kiến của năm, Tập thể xuất sắc, Phụ nữ hai giỏi....

Công ty luôn thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành về việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho NLĐ theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm việc cải thiện điều kiện sống và làm việc cho CBCNV.

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề nâng cao, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV. Công ty thường xuyên tổ chức những lớp học về:

- Đào tạo định kỳ về GPs
- Đào tạo định kỳ về ATVSLĐ, đào tạo về PCCN.
- Đào tạo cập nhật về Luật, thông tư, nghị định của cơ quan quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực Dược, lao động tiền lương, thuế, môi trường.

Công ty chú trọng đặc biệt đến vấn đề ATLĐ cho người lao động. Đề hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất, Công ty đã xây dựng một quy trình vận hành an toàn cho NLĐ theo quy chuẩn GMP – WHO. Công ty ban hành nội quy về ATLĐ, vệ sinh môi trường, thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác thực hiện tại các nhà máy. Công ty luôn trang bị đầy đủ thiết bị, bảo hộ lao động, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc làm việc và có chính sách bồi dưỡng, nghỉ ngơi riêng đối với những vị trí có yếu tố độc hại.

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề bình đẳng giới – bảo vệ quyền lợi của CBCNV nữ. Các lao động nữ không gặp bất kỳ rào cản nào trong công việc cũng như phát triển sự nghiệp, Công ty tạo điều kiện hỗ trợ CBCNV nữ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao lẫn công việc gia đình.

Định kỳ hàng năm, Công ty có các chương trình dành riêng cho chị em phụ nữ như Quốc tế phụ nữ 08/03 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex tiếp tục khẳng định cam kết phát triển bền vững thông qua nhiều hoạt động xã hội, hỗ trợ cộng đồng và đồng hành cùng sự phát triển của địa phương.

Ngày 03/03/2025 Công ty đã thực hiện hoạt động thiện nguyện “Chung tay trao yêu thương- tiếp sức đến trường” đã đến trường Mầm non, trường Tiểu học và Trung học cơ sở tại xã Tú Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình để trao quà và học bổng cho học sinh

Tháng 11/2025, BCH công đoàn Công ty kêu gọi hỗ trợ đồng bào bị ảnh hưởng bởi thiên tai, góp phần chung tay chia sẻ nỗi đau sau mưa lũ thiên tai ủng hộ về MTTQ tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên.

Công ty vẫn luôn hỗ trợ giáo dục và phát triển nhân lực y dược. Công ty hợp tác với các trường đại học Dược trong TP Hà Nội để tạo điều kiện cơ hội thực tập và đào tạo thực tế cho sinh viên ngành dược.

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Trong 6 tháng đầu năm 2025, ngành Dược ghi nhận việc tăng cường thanh tra, kiểm tra trên diện rộng của cơ quan quản lý Nhà nước, đặc biệt đối với nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe và mỹ phẩm. Điều này dẫn đến sự thận trọng của hệ thống phân phối và làm giảm hoạt động tiêu thụ trên toàn thị trường.

Trong bối cảnh đó, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động điều hành theo hướng thận trọng – linh hoạt – tối ưu hiệu quả, tập trung kiểm soát chi phí, điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường, đồng thời duy trì ổn định hoạt động của hệ thống nhà máy.

Một số kết quả kinh doanh nổi bật trong năm 2025:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm
Doanh thu thuần	443.135.811.734	366.829.618.233	-17,22%
Giá vốn	350.574.416.654	281.042.627.390	-19,83%
Lợi nhuận gộp	92.561.395.080	85.786.990.843	-7,32%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.505.896.390	20.121.771.714	8,73%
Lợi nhuận trước thuế	19.418.107.894	20.659.417.001	6,39%

Doanh thu thuần năm 2025 giảm 17,22% so với năm trước, phản ánh tác động rõ nét từ sự suy giảm nhu cầu thị trường và gián đoạn hoạt động phân phối trong bối cảnh toàn ngành bị siết chặt quản lý.

Tuy nhiên, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận trước thuế vẫn tăng lần lượt 8,73% và 6,39%, cho thấy Công ty đã cải thiện hiệu quả hoạt động cốt lõi thông qua: Tối ưu cơ cấu sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ giá vốn và chi phí vận hành và chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất theo đơn hàng thực tế

Kết quả Nghiên cứu phát triển sản phẩm năm 2025

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
1	Được cấp số đăng ký mới	Sản phẩm	23	24
2	Cấp số đăng ký gia hạn	Sản phẩm	157	12
3	TPCN, mỹ phẩm cấp mới	Sản phẩm	09	
4	Hồ sơ kê khai giá được duyệt	Sản phẩm	10	
5	Duyệt thay đổi bổ sung, cập nhật	Sản phẩm	192 (14 hồ sơ bổ sung NSX)	203 (32 hồ sơ bổ sung NSX được chất)
6	Sản phẩm mới đã triển khai	Sản phẩm	18	11
7	Triển khai cải tiến công thức, quy trình sản xuất	Sản phẩm	05	14

Hoạt động nghiên cứu vẫn được duy trì ổn định, Công ty đã tăng cường cải tiến công thức và quy trình sản xuất góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu chi phí sản xuất.

Những kết quả này thể hiện sự phát triển ổn định của Công ty trong bối cảnh thị trường nhiều biến động, đồng thời khẳng định hiệu quả của các chiến lược kinh doanh và quản trị rủi ro mà Ban Tổng Giám đốc đã triển khai trong suốt năm qua

B. Những khó khăn và thách thức

Mặc dù đạt được những kết quả tích cực, Công ty vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức lớn trong hoạt động sản xuất và kinh doanh:

– Bộ máy nhân sự nhà máy và các bộ phận trung gian còn cồng kềnh, chưa được tinh giản. Số lượng lớn lao động tham gia sản xuất dẫn đến chi phí quản lý nhân sự cao. Bên cạnh đó việc thu hút và giữ chân nhân sự có trình độ cao còn nhiều hạn chế, cần có nhiều cải tiến trong công

tác tuyển dụng và cơ chế đãi ngộ linh hoạt.

- Việc thay đổi chính sách của cục Dược dẫn đến thời gian cấp gia hạn, thay đổi, bổ sung số đăng ký bị chậm trễ kéo dài so với quy định ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh.
- Giá nguyên liệu, tá dược, bao bì biến động do cạnh tranh giá. Công ty phải liên tục tìm kiếm và bổ sung các nguồn cung thay thế, ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và chiến lược giá thành

C. Kế hoạch phát triển trong năm 2026:

Bước sang năm 2026, Mediplantex sẽ tập trung vào các mục tiêu sau để đảm bảo sự phát triển bền vững:

- Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy nhân sự, sử dụng phần mềm ERP để nâng cao hiệu quả quản lý và giảm chi phí vận hành. Cải tiến hệ thống quản trị nhân sự bao gồm quy chế lương thưởng và quy chế đánh giá KPI phù hợp với thực tiễn vận hành của Công ty.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, gia tăng tỷ trọng các dòng sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp, đa dạng hóa nguồn nguyên liệu để giảm rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng.

2. Tình hình tài chính

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật Việt Nam, cụ thể là Luật kế toán trong các nghiệp vụ hạch toán kế toán.

Năm 2025, tình hình tài chính của Công ty tiếp tục duy trì sự ổn định với các chỉ số tài chính lành mạnh:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,46 lên 1,63 cho thấy khả năng thanh toán tốt các khoản nợ ngắn hạn
- Chỉ tiêu cơ cấu vốn an toàn hơn, giảm phụ thuộc vào vốn vay, tăng tính tự chủ tài chính, khả năng chống chịu trước biến động thị trường tốt hơn
- Chỉ tiêu khả năng sinh lời của Công ty thể hiện hiệu quả sinh lời được cải thiện đáng kể. cho thấy Công ty đã kiểm soát chi phí hiệu quả hơn, tối ưu vận hành trong bối cảnh doanh thu có thể không tăng mạnh.

Công ty tiếp tục chú trọng đến việc quản lý dòng tiền, tối ưu hóa nguồn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản để đảm bảo sự phát triển bền vững

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm 2025, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo về quản trị Công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và người quản trị Công ty đã tham gia các khóa đào tạo quản trị Công ty
- Tháng 5/2025; Đào tạo về "AI & CHAT GPT nâng cao hiệu quả công việc và Chia sẻ

ứng dụng văn phòng số" cho Cán bộ quản lý và nhân viên văn phòng.

– Ngoài ra, Công ty luôn tạo mọi điều kiện để cán bộ quản lý chuyên môn tham gia các khóa huấn luyện do Bộ Y Tế, Cục quản lý dược, Trung tâm kiểm nghiệm nhằm nâng cao tính tuân thủ

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

– Công ty chú trọng đầu tư phát triển sản xuất theo hướng công nghiệp, sản xuất các loại thuốc có giá trị cao, đẩy mạnh nghiên cứu tạo ra nhiều mặt hàng mới được người tiêu dùng ưa chuộng

– Đẩy mạnh công tác xuất nhập khẩu tham gia các hội trợ, triển lãm chuyên ngành Dược phẩm tại các nước Đông Nam Á,... tiếp cận chào hàng trực tiếp khách hàng tiềm năng. Đăng ký tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm tại các thị trường xuất khẩu phù hợp với pháp luật liên quan, đảm bảo công tác xuất khẩu thuận lợi, giảm chi phí

– Công ty chủ động trong việc tìm nguồn vốn có chi phí thấp để đầu tư mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao

– Tiêu chuẩn hóa quy trình sản xuất, vận hành thiết bị, đổi mới, đầu tư nâng cấp thiết bị hiện có đảm bảo chất lượng sản phẩm. Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân để tăng tính hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Do 2 hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD ngày 01/06/2017 và số 35/2009/HĐHT ngày 25/12/2009 của Công ty đang trong quá trình làm việc với đối tác và các cơ quan quản lý về việc triển khai hợp đồng nên chưa có thông tin cung cấp cho kiểm toán

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội của Công ty

– Nhận thức vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên. Ngoài ra Công ty hiện đang nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đầu tư đồng thời giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

– Công ty xây dựng chính sách lương thưởng hiệu quả, hợp lý với mức thu nhập cạnh tranh. Ngoài ra Công ty cũng tạo điều kiện, xây dựng môi trường làm việc tốt giúp người lao động phát huy tối đa năng lực của mình. Công ty chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động và tạo dựng văn hóa doanh nghiệp.

– Đối với cộng đồng, Công ty luôn gắn kết sự phát triển của Mediplantex với sự phát triển của các địa phương nơi Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cũng hỗ trợ cho những hoàn cảnh khó khăn thông qua các chương trình thiện nguyện

IV. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

– Trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBNV đã nỗ lực để vượt qua khó khăn trong bối cảnh ngành Dược đối mặt với nhiều thách thức và duy trì mọi hoạt động của Công ty được diễn ra xuyên suốt tuân thủ nghiêm chỉnh các quy chế, quy định nội bộ, quy định của pháp luật.

– Triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị. Báo cáo định kỳ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong mỗi kỳ họp của Hội Đồng Quản Trị. Tuân thủ đúng điều lệ Công ty, quy chế quản trị, quy chế quản lý tài chính và các quy định của Pháp luật.

– Ban Tổng giám đốc đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời đã ban hành các quy định, quyết định, văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Tổng giám đốc để nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban hành các chính sách thu hút khách hàng, các giải pháp nhằm quản trị chặt chẽ chi phí sản xuất, chi phí bán hàng...

– Công tác đầu tư mua sắm cũng được thực hiện chặt chẽ đúng theo quy định của Công ty và của pháp luật.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị

Sau khi xem xét mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025, căn cứ tình hình thực tế và các dự báo về tình hình kinh tế, thị trường năm 2026, căn cứ vào chiến lược & mục tiêu của Công ty, Hội Đồng Quản Trị thống nhất xây dựng chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cũng như đề ra các định hướng, giải pháp định hướng cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

Kế hoạch kinh doanh năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2026
1	Tổng Doanh thu bán hàng	triệu đồng	374.093
2	Giá vốn	triệu đồng	282.179
3	Lợi nhuận gộp	triệu đồng	91.914
4	Chi phí bán hàng	triệu đồng	4.949
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	triệu đồng	61.622
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	triệu đồng	19.442
7	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	19.442

Kế hoạch lợi nhuận năm 2026 được xây dựng thận trọng, phản ánh việc Công ty dự kiến gia tăng đầu tư cho hệ thống quản trị, công nghệ và phát triển sản phẩm, từ đó có thể làm gia tăng chi phí trong ngắn hạn. Và do một số yếu tố ảnh hưởng lớn như lãi suất biến động tăng mạnh, tình hình chiến sự trên thế giới dẫn tới giá dầu tăng, các chi phí đầu vào dự báo tăng đáng kể dẫn tới lợi nhuận kế hoạch năm 2026 giảm nhẹ so với năm 2025

Kế hoạch nghiên cứu phát triển năm 2026

STT	Diễn giải	Đ.vị	Số lượng
1	Hồ sơ được cấp số đăng ký mới	hồ sơ	20

2	Hồ sơ được đăng ký gia hạn	hồ sơ	15
3	Đăng ký TPCN, mỹ phẩm	hồ sơ	10
4	Hồ sơ thay đổi bổ sung được phê duyệt	hồ sơ	150
5	Triển khai sản xuất mới	sản phẩm	20
6	Cải tiến công thức sản xuất, quy trình sản xuất	Sản phẩm	15
7	Thẩm định quy trình sản xuất	Quy trình	8
8	Xây dựng CTSX+QTSX cho sản phẩm đăng ký mới (Thực hiện đầy đủ các bước: Nghiên cứu thí nghiệm, nâng cấp pilot, theo dõi độ ổn định (tối thiểu 12 tháng)).	sản phẩm	15

- Tiếp tục duy trì các chứng nhận quản lý chất lượng GMP –WHO, GSP, GDP
- Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, nộp ngân sách đúng quy định.

V. Quản trị Công ty

1. Hội Đồng Quản Trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội Đồng Quản Trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	TV độc lập	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu CP	Chức danh nắm giữ	Công ty khác
1	Trần Hoàng Dũng Bổ nhiệm ngày 26/06/2024 Từ trần ngày 30/05/2025	Chủ tịch		1.000.000	8,06%		
2	Trần Xuân Đình Miễn nhiệm ngày 30/06/2025	Thành viên					
3	Nguyễn Ngọc Xuân Trang Bổ nhiệm ngày 30/06/2025	Chủ tịch		3.543.044	28,55%		
4	Trần Nguyễn Hoàng Phúc Bổ nhiệm ngày 30/06/2025	Thành viên		2.761.900	22,26%		
5	Trần Nguyễn Hoàng Ân	Thành viên		20.000	0,16%		

6	Nguyễn Thị Thủy	Thành viên				Kiểm toán nội bộ	Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
7	Thái Khắc Minh	Thành viên	X				

b) Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị: không có

c) Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị:

– Mọi hoạt động của Hội Đồng Quản Trị đều tuân thủ theo pháp luật hiện hành. Chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS...

– Trong năm 2025, Hội Đồng Quản Trị đã tổ chức họp 04 phiên họp và ban hành các nghị quyết, thông báo dựa trên sự thống nhất của các thành viên Hội Đồng Quản Trị và có sự tham gia của Trưởng Ban Kiểm soát Công ty.

– Các thành viên Hội Đồng Quản Trị thường xuyên trao đổi ý kiến với nhau về việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị đã ban hành. Thường xuyên trao đổi với Ban điều hành để thực hiện mục tiêu chiến lược của Công ty và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn.

BẢNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

ST T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội Dung	Tỷ lệ % thông qua
1	Số: 01/2025/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 01 năm 2025	<p>Nhất trí thông qua nội dung như sau:</p> <p>1. Miễn nhiệm: Ông Trần Xuân Đình giữ chức vụ Tổng giám đốc, người đại diện pháp luật Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex nhiệm kỳ 2024-2029 Thời gian miễn nhiệm: Từ ngày 02/01/2025</p> <p>2. Bổ nhiệm: Ông Mai Nhật Thanh Sinh năm: 1980 Số CCCD: 079080032794 Ngày cấp: 31/03/2022 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH Đảm nhiệm chức vụ: Tổng giám đốc và là người đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex Thời hạn bổ nhiệm: Từ ngày 02/01/2025 đến hết nhiệm kỳ 2024-2029 của HĐQT</p>	100%

2	Số: 02/2025/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 04 năm 2025	Nhất trí thông qua nội dung Gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2025, đảm bảo không quá 06 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính	100%
3	Số: 04/2025/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 05 năm 2025	<p>Nhất trí thông qua các nội dung như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thời gian tổ chức: Đại hội được khai mạc vào 08 giờ 30 phút, hai, ngày 30 tháng 06 năm 2025 (thời gian đón tiếp cổ đông từ giờ 00 phút, ngày 30/06/2025). Địa điểm tổ chức Đại hội: Tại Hà nội (khảo sát địa điểm phù hợp để tổ chức Đại hội). Ngày chốt danh sách cổ đông: 29/05/2025. <p>2. Tờ trình nội dung tại Đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng thực hiện kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2025. Báo cáo của Tổng giám đốc về Kết quả SXKD năm 2024 và phương hướng thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động, giám sát năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025. Báo cáo tình hình thực hiện dự án “Trung tâm KHCN Dược và nhà máy ứng dụng sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP EU”. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024; Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2025; Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức năm 2024 và dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức năm 2025; Thông qua thù lao của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát năm 2025; 	100%
4	Số: 05/2025/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 05 năm 2025	<p>Nhất trí thông qua nội dung như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tờ trình số 02/2025/TTr-HĐQT thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; Tờ trình số 04/2025/TTr-HĐQT thông qua phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức năm 2024 và dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức năm 2025; Tờ trình số 05/2025/TTr-HĐQT thông qua sửa đổi phụ lục Quy chế chi tiêu nội bộ; Tờ trình số 06/2025/TTr-HĐQT thông qua thù lao của Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát năm 2025; Tờ trình số 07/2025/TTr-HĐQT về việc cấp mới hạn mức vay vốn tại NH TMCP Công Thương Việt Nam- CN Đồng Đa; 	100%

5	Số: 06/2025/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 05 năm 2025	<p>1. Thông qua tờ trình số 09/2025/TTr-HĐQT phương án điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025</p> <p>2. Thông qua các báo cáo, tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ hoạt động của HĐQT năm 2025 - Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về Kết quả SXKD năm 2024 và phương hướng thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 - Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động, giám sát năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2025; - Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức năm 2024 và dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức năm 2025 - Tờ trình thông qua thù lao của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát năm 2025 - Thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2024 – 2029; 	100%
6	Số: 07/2025/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 06 năm 2025	<p>Nhất trí thông qua các nội dung như sau:</p> <p>Bổ nhiệm: Bà Nguyễn Ngọc Xuân Trang</p> <p>Sinh năm: 1966</p> <p>Số CCCD: 079166010931</p> <p>Ngày cấp: 29/04/2021</p> <p>Nơi cấp: Cục CSQL hành chính về TTXH</p> <p>Đảm nhiệm chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex nhiệm kỳ 2024-2029.</p> <p>Thời hạn bổ nhiệm: Từ ngày 30/06/2025 đến hết nhiệm kỳ 2024-2029 của HĐQT</p>	100%
7	Số: 08/2025/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 06 năm 2025	<p>Nhất trí thông qua các nội dung như sau:</p> <p>1. Thông qua tờ trình số 11/2025/TTr-HĐQT về việc thực hiện các nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Trích thưởng đạt kế hoạch năm 2024 cho BDH, HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2024-2029 ❖ Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 ❖ Thời gian chi trả cổ tức năm 2024: <ul style="list-style-type: none"> – Ngày đăng ký cuối cùng: 17/07/2025 – Ngày thanh toán cổ tức: 31/07/2025 <p>Chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 12% VDL</p>	100%

8	Số: 09/2025/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 08 năm 2025	Nhất trí thông qua nội dung như sau: 1. Tờ trình số 12/2025/TTr-HĐQT: lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2025	100%
9	Số: 10/2025/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 09 năm 2025	Nhất trí thông qua nội dung như sau: Miễn nhiệm: Ông Lê Thành Lâm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc sản xuất của Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex nhiệm kỳ 2024-2029 Thời gian miễn nhiệm: Từ ngày 12/09/2025	80%
10	Số: 11/2025/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 09 năm 2025	Nhất trí thông qua nội dung như sau: 1. Tờ trình số Số: 14/2025/TTr-HĐQT về việc cấp mới hạn mức vay vốn tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam-CN Sở GD	80%
11	Số: 12/2025/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 10 năm 2025	Nhất trí thông qua nội dung như sau: 1. Tờ trình số 15/2025/TTr-HĐQT v/v cử đoàn đại biểu của Công ty tham dự K – Medi Silk Road Project Working Forum lần thứ 2	80%
12	Số: 13/2025/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 10 năm 2025	Nhất trí thông qua nội dung như sau: 1. Tờ trình số 16/2025/TTr-HĐQT về việc sáp nhập Ban quản lý dự án, phòng Pháp chế về phòng Tổ chức hành chính; 2. Tờ trình số 17/2025/TTr-HĐQT về đề xuất chủ trương xây dựng lại Quy chế tiền lương theo vị trí và hiệu quả công việc (KPI) 3. Tờ trình số 18/2025/TTr-HĐQT cấp mới hạn mức vay vốn tại NH TMCP Ngoại thương – Chi nhánh sở giao dịch 4. Giao Tổng Giám đốc tự quyết định vấn đề của Nhà máy số 2 theo đúng quy chế của Công ty, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và bối cảnh hoạt động hiện nay	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập:

Tính đến 31/12/2025, HĐQT Công ty có 01 thành viên HĐQT độc lập. Các thành viên này đều tham gia 100% các phiên họp trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT trong năm 2025 và đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào việc xây dựng chiến lược hoạt động và phát triển của Công ty.

Đánh giá về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2025, thành viên HĐQT độc lập nhận thấy:

– Các cuộc họp HĐQT được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, tài liệu được chuẩn bị đầy đủ theo đúng quy định. HĐQT đã làm việc hiệu quả, thể hiện qua việc đưa ra các quyết định kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và thị trường. Các cuộc họp được tổ chức định kỳ, các vấn đề quan trọng được thảo luận kỹ lưỡng và quyết định dựa

trên sự đồng thuận.

– Các chiến lược phát triển, phương án, chính sách được HĐQT triển khai phù hợp với chủ trương do Đại hội đồng cổ đông thông qua

– HĐQT đã chú trọng đến việc quản trị rủi ro, đảm bảo Công ty hoạt động ổn định và bền vững. Các rủi ro tiềm ẩn được nhận diện và đánh giá kỹ lưỡng, các biện pháp phòng ngừa được triển khai hiệu quả.

– HĐQT đã hoàn thành các công việc được giao với tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và các chuẩn mực đạo đức trong hoạt động kinh doanh.

e) Danh sách các thành viên Hội Đồng Quản Trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Hồ Ngọc Tuấn Bổ nhiệm ngày 26/06/2024	Trưởng BKS	0%
2	Hà Thị Bích Hạnh Bổ nhiệm ngày 26/06/2024	Thành viên BKS	0%
3	Đỗ Ngọc Thúy Bổ nhiệm ngày 26/06/2024	Thành viên BKS	0,8%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể là theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát đã hoạt động với tinh thần trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban, cử đại diện tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát luôn giữ mối quan hệ làm việc đầy đủ, thường xuyên với HĐQT và TGD trong hoạt động kinh doanh, giám sát các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng pháp luật, thường xuyên trao đổi với HĐQT và TGD về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, các công việc của Ban Kiểm soát trong năm tham gia như sau:

- Tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
- Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT Công ty.

- Kiểm soát công tác tài chính kế toán, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm của Công ty.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành theo quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty.

- Giám sát việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Đề xuất Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính năm và bán niên; Thẩm định BCTC trước và sau khi kiểm toán Công ty.

- Tham gia ý kiến xây dựng quy chế điều hành Công ty của HĐQT và Ban điều hành.

- Phối hợp với các phòng ban chức năng của Công ty thực hiện kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban Kiểm soát để soát xét, thảo luận, đánh giá hoạt động của Công ty.

- Các công việc khác theo chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

BẢNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Ghi chú
01/2025/BB-BKS	11/07/2025	Họp báo cáo công tác kiểm soát 06 tháng đầu năm 2025	Số lượng thành viên tham dự họp: 3/3; Công tác kiểm soát thực hiện đúng kế hoạch
02/2025/BB-BKS	30/12/2025	Họp công tác kiểm soát cuối năm 2025	Số lượng thành viên tham dự họp: 3/3; Công tác kiểm soát thực hiện đúng kế hoạch

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thu nhập trong năm 2025 của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát (gồm tiền lương, thưởng, thù lao) như sau:

TT	Họ tên	Chức vụ	Thu nhập
Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc			
1	Ông Trần Hoàng Dũng	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/06/2024, từ trần ngày 30/05/2025)	145.663.862
2	Bà Nguyễn Ngọc Xuân Trang	Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm ngày 30/06/2025	50.000.000

3	Bà Trần Nguyễn Hoàng Phúc	Thành viên HĐQT bổ nhiệm ngày 30/06/2025	660.572.908
4	Ông Trần Xuân Đình	Thành viên HĐQT bổ nhiệm ngày 26/06/2024 miễn nhiệm ngày 30/06/2025, Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 26/06/2024 sau đó miễn nhiệm ngày 02/01/2025	765.148.726
5	Ông Trần Nguyễn Hoàng Ân	Thành viên HĐQT bổ nhiệm ngày 26/06/2024, Phó Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 01/07/2024	876.150.733
6	Ông Thái Khắc Minh	Thành viên HĐQT bổ nhiệm ngày 26/06/2024	133.464.704
7	Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên HĐQT bổ nhiệm ngày 26/06/2024	133.464.704
8	Ông Mai Nhật Thanh	Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 02/01/2025	1.168.496.547
9	Ông Lê Thành Lâm	Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 12/09/2025	597.936.567
10	Ông Trần Anh Tuấn	Kế toán trưởng bổ nhiệm ngày 01/07/2024	813.944.968
Ban kiểm soát			
11	Ông Hồ Ngọc Tuấn	Trưởng BKS bổ nhiệm ngày 26/06/2024	653.172.561
12	Bà Hà Thị Bích Hạnh	Thành viên BKS bổ nhiệm ngày 26/06/2024	624.416.306
13	Bà Đỗ Ngọc Thúy	Thành viên BKS bổ nhiệm ngày 26/06/2024	220.115.776

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT.	Họ và tên	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm An Hy	Người có liên quan của công ty Trần Hoàng Dũng – Chủ tịch HĐQT	GCN ĐKDN số: 0309738339 cấp ngày 22 tháng 05 năm 2017 tại sở KH và ĐT TP HCM	506/15/34 Đường 3/2, Phường Diên Hồng, TP Hồ Chí Minh	Năm 2025	13/2024 /NQ-HĐQT	Giao dịch mua bán hàng hóa. Tổng giá trị giao dịch: 35.000.000.000 VNĐ	

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Tuân thủ thực hiện các quy định về quản trị Công ty và mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều thực hiện đúng quy chế quản trị Công ty

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “ Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Gửi kèm theo Báo cáo thường niên năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG
MEDIPLANTEX**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Mai Nhật Thanh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 39
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex được cổ phần hóa từ Công ty Dược liệu TW I (doanh nghiệp nhà nước) theo Quyết định số 4410/QĐ-BYT ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Y tế. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2005, đến nay lần thay đổi gần nhất (lần thứ 20) vào ngày 03 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp thay đổi lần gần nhất tại: 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hiện nay, địa chỉ này đã được đổi thành: 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Ngọc Xuân Trang	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2025)
Ông Trần Hoàng Dũng	Chủ tịch	(Không còn là Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT từ ngày 30 tháng 05 năm 2025)
Ông Trần Nguyễn Hoàng Ân	Thành viên	
Ông Thái Khắc Minh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	
Bà Trần Nguyễn Hoàng Phúc	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2025)
Ông Trần Xuân Đình	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Nhật Thanh	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2025)
Ông Trần Xuân Đình	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2025)
Ông Trần Nguyễn Hoàng Ân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Thành Lâm	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 12 tháng 09 năm 2025)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là:

Ông Mai Nhật Thanh	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2025)
Ông Trần Xuân Đình	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2025)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hồ Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Bà Hà Thị Bích Hạnh	Thành viên
Bà Đỗ Ngọc Thúy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Nhật Thanh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex ("Công ty") được lập ngày 06 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do giới hạn về phạm vi kiểm toán liên quan đến 02 hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD ngày 01 tháng 06 năm 2017 và số 35/2009/HĐHT ngày 25 tháng 12 năm 2009 (chi tiết tại Thuyết minh 36) và Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với đối tác cũng như các cơ quan hữu quan về việc triển khai hợp đồng nên chúng tôi chưa thể thu thập được các thông tin cần thiết có liên quan báo cáo tài chính của Công ty. Vì vậy, chúng tôi không thể đưa ra bất kỳ ý kiến kiểm toán nào có liên quan đến vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

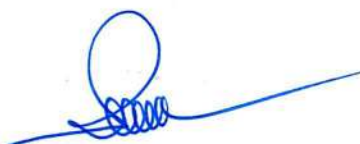
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		204.962.685.617	253.080.671.735
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	24.401.129.317	42.611.033.335
111	1. Tiền		12.401.129.317	30.611.033.335
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.000.000.000	12.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		6.700.000.000	12.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	6.700.000.000	12.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		68.638.521.499	99.153.240.174
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	43.783.446.571	69.931.506.630
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	27.038.320.811	27.889.381.672
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.233.785.222	4.367.805.257
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.417.031.105)	(3.035.453.385)
140	IV. Hàng tồn kho	9	93.209.539.312	87.539.703.698
141	1. Hàng tồn kho		93.209.539.312	87.539.703.698
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.013.495.489	11.776.694.528
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	111.327.028	239.809.602
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.656.527.007	11.493.179.482
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	245.641.454	43.705.444
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		252.354.666.266	250.674.501.204
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.281.045.000	4.293.135.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.281.045.000	4.293.135.000
220	II. Tài sản cố định		32.240.937.400	34.441.460.600
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	32.229.181.160	34.422.279.360
222	- Nguyên giá		159.077.886.874	154.351.408.887
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(126.848.705.714)	(119.929.129.527)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	11.756.240	19.181.240
228	- Nguyên giá		307.325.000	307.325.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(295.568.760)	(288.143.760)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	1.631.604.709	1.880.655.954
231	- Nguyên giá		11.361.119.544	11.361.119.544
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.729.514.835)	(9.480.463.590)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		180.450.934.936	177.699.169.876
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	180.450.934.936	177.699.169.876
260	V. Tài sản dài hạn khác		32.750.144.221	32.360.079.774
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	32.750.144.221	32.360.079.774
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		457.317.351.883	503.755.172.939

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		126.005.906.360	172.891.994.188
310	I. Nợ ngắn hạn		126.005.906.360	172.891.994.188
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	55.196.011.514	77.961.655.955
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	15.184.735.732	15.775.430.306
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.875.517.238	1.109.490.832
314	4. Phải trả người lao động		11.170.189.093	12.223.509.888
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	439.480.577	393.589.173
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		228.600.000	219.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.784.204.951	34.955.843.839
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	33.913.830.047	27.786.636.987
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.213.337.208	2.466.837.208
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		331.311.445.523	330.863.178.751
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	331.311.445.523	330.863.178.751
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		124.100.000.000	124.100.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		124.100.000.000	124.100.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		121.230.075.000	121.230.075.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		69.782.414.151	69.782.414.151
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.198.956.372	15.750.689.600
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		365.519.888	503.923.388
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		15.833.436.484	15.246.766.212
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		457.317.351.883	503.755.172.939



Nguyễn Thanh Hằng
Người lập biểu



Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng



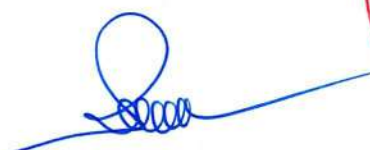
Mai Nhật Thanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	368.976.706.693	443.450.755.834
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	2.147.088.460	314.944.100
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		366.829.618.233	443.135.811.734
11	4. Giá vốn hàng bán	25	281.042.627.390	350.574.416.654
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		85.786.990.843	92.561.395.080
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	1.371.149.542	2.194.907.734
22	7. Chi phí tài chính	27	3.675.219.722	5.882.463.007
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.316.002.212	3.787.313.457
25	8. Chi phí bán hàng	28	4.734.375.295	7.956.365.486
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	58.626.773.654	62.411.577.931
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.121.771.714	18.505.896.390
31	11. Thu nhập khác	30	622.310.264	1.194.147.025
32	12. Chi phí khác	31	84.664.977	281.935.521
40	13. Lợi nhuận khác		537.645.287	912.211.504
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.659.417.001	19.418.107.894
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32	4.825.980.517	4.171.341.682
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>15.833.436.484</u>	<u>15.246.766.212</u>
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	1.276	1.229



Nguyễn Thanh Hằng
Người lập biểu



Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng








Mai Nhật Thanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		20.659.417.001	19.418.107.894
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.176.052.432	7.915.624.907
03	- Các khoản dự phòng		1.381.577.720	2.203.148.744
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.637.313)	19.531.440
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(490.903.696)	(773.893.406)
06	- Chi phí lãi vay		2.316.002.212	3.787.313.457
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.038.508.356	32.569.833.036
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		27.759.989.063	23.260.766.830
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.669.835.614)	15.424.839.329
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(51.175.510.040)	(16.803.479.675)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(873.157.118)	1.367.572.757
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.310.793.254)	(3.815.562.511)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.399.492.850)	(3.874.313.773)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(746.669.712)	(476.900.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.376.961.169)	47.652.755.993
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(9.766.667.802)	(9.979.205.179)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.700.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		8.000.000.000	8.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		510.862.053	1.120.782.569
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.955.805.749)	(858.422.610)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		133.282.028.828	157.753.262.672
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(127.154.835.768)	(194.429.711.630)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.996.875.444)	(11.020.822.547)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.869.682.384)	(47.697.271.505)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(18.202.449.302)	(902.938.122)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		42.611.033.335	43.533.502.897
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(7.454.716)	(19.531.440)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	24.401.129.317	42.611.033.335


Nguyễn Thanh Hằng
Người lập biểu


Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng


Mai Nhật Thanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex được cổ phần hóa từ Công ty Dược liệu TW I (doanh nghiệp nhà nước) theo Quyết định số 4410/QĐ-BYT ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Y tế. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2005, đến nay lần lần thay đổi gần nhất (lần thứ 20) vào ngày 03 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp thay đổi lần gần nhất tại: 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hiện nay, địa chỉ này đã được đổi thành: 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 124.100.000.000 VND, tương ứng 12.410.000 cổ phần, mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 310 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 328 người).

Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Ủy thác xuất nhập khẩu; xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm 2025, nền kinh tế thế giới vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều rủi ro, bất ổn, lạm phát vẫn ở mức cao, điều kiện thị trường tài chính thắt chặt hơn, tăng trưởng kinh tế toàn cầu có xu hướng suy giảm. Ngành dược trong nước phải đối mặt với nhiều khó khăn khi chi phí sản xuất vẫn có xu hướng tăng, cạnh tranh gay gắt, tâm lý tiêu dùng và các đối tác phân phối bị ảnh hưởng bởi việc thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc. Các nguyên nhân chủ yếu trên đã dẫn đến doanh thu bán hàng của Công ty giảm đáng kể so với năm trước. Tuy nhiên, nhờ việc tăng cường áp dụng các biện pháp cắt giảm chi phí, cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh mà lợi nhuận của Công ty vẫn tăng nhẹ so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - tại Thành phố Hồ Chí Minh	A5/6E1 đường Nguyễn Cửu Phú, Ấp 1, phường Tân Kiên, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc, hóa dược, dược liệu và thực phẩm chức năng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - tại Mê Linh	Thôn Trung Hậu, xã Mê Linh, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm 2025, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Thông tư 99/2025/TT-BTC sẽ được Công ty áp dụng kể từ thời điểm văn bản có hiệu lực thi hành, tức là từ ngày 01/01/2026 và dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị khác	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

2.14 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế và phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh hàng kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 02 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng.

2.15 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả.... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí

phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2.21 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.24 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái... được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng chủ yếu bao gồm: chi phí lương nhân viên bán hàng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bán hàng, chi phí vận chuyển, chi phí thủ tục hải quan, chi phí logistics và các chi phí khác.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, chi phí tổng kết, du lịch cho người lao động và các chi phí khác.

2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.28 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 Thông tin bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm trên lãnh thổ Việt Nam, các hoạt động kinh doanh khác và trên các khu vực địa lý khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	87.338.122	243.653.622
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.313.791.195	30.367.379.713
Các khoản tương đương tiền (i)	12.000.000.000	12.000.000.000
	24.401.129.317	42.611.033.335

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi kỳ hạn 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch với lãi suất từ 1,8%/năm đến 4,75%/năm.

4 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	6.700.000.000	-	12.000.000.000	-
	6.700.000.000	-	12.000.000.000	-

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng đến 12 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa với lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,2%/năm.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025 (đã trình bày lại)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	22.383.608.828	(3.100.812.880)	19.248.531.389	(1.719.235.160)
Công ty TNHH MTV Dược phẩm An Hy	22.383.608.828	(3.100.812.880)	19.248.531.389	(1.719.235.160)
Bên khác	21.399.837.743	(1.316.218.225)	50.682.975.241	(1.316.218.225)
Công ty CP Dược Medibros Miền Bắc	7.456.387.723	-	15.179.203.296	-
Công ty CP Dược Medibros Miền Trung	3.304.368.558	-	5.686.130.918	-
Công ty CP Dược Medibros Miền Nam	3.930.194.828	-	14.414.570.635	-
Các khách hàng khác	6.708.886.634	(1.316.218.225)	15.403.070.392	(1.316.218.225)
	43.783.446.571	(4.417.031.105)	69.931.506.630	(3.035.453.385)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác				
Công ty TNHH Kỹ thuật Cơ điện lạnh Quý Long	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
(i) Công ty TNHH Thiết bị Bảo vệ và Phát triển Công nghệ cao Khải Hoàn (i)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Các người bán khác	4.038.320.811	-	4.889.381.672	-
	27.038.320.811	-	27.889.381.672	-

- (i) Các khoản ứng trước cho những hợp đồng thi công xây lắp thuộc dự án đầu tư Trung tâm khoa học công nghệ dược và Nhà máy ứng dụng sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-EU (Thuyết minh 14).

7 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	76.808.766	-	96.767.123	-
Phải thu về tạm ứng	2.060.916.237	-	2.099.354.300	-
Phải thu về nhận ủy thác nhập khẩu	26.147.855	-	2.110.675.434	-
Phải thu khác	69.912.364	-	61.008.400	-
	2.233.785.222	-	4.367.805.257	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ cho Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	5.281.045.000	-	4.293.135.000	-
	5.281.045.000	-	4.293.135.000	-
c) Trong đó: Bên liên quan				
Ông Trần Nguyễn Hoàng Ân	850.000.000	-	-	-
Ông Hồ Ngọc Tuấn	220.000.000	-	220.000.000	-
	1.070.000.000	-	220.000.000	-

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Thành	247.156.740	-	247.156.740	-
Công ty TNHH MTV Dược Phẩm An Hy	20.063.754.053	16.962.941.173	5.730.783.868	4.011.548.708
Công ty TNHH Dược phẩm Hương Linh	167.803.729	-	167.803.729	-
Công ty CP Dược phẩm Quận 3	176.863.000	-	176.863.000	-
Các đối tượng khác	724.394.756	-	724.394.756	-
	21.379.972.278	16.962.941.173	7.047.002.093	4.011.548.708

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	46.980.565.475	-	41.410.014.349	-
Công cụ, dụng cụ	2.536.158.088	-	1.242.294.207	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.592.877.112	-	10.845.349.576	-
Thành phẩm	10.483.263.768	-	8.795.152.892	-
Hàng hoá	15.616.674.869	-	25.246.892.674	-
	93.209.539.312	-	87.539.703.698	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 37.095.033.770 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 35.033.079.035 VND).

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản	111.327.028	201.816.434
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	37.993.168
	111.327.028	239.809.602
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản	2.206.403.276	411.387.500
Công cụ dụng cụ xuất dùng	713.235.066	1.385.944.550
Tiền nhận chuyển nhượng quyền thuê đất tại Nhà máy dược phẩm số 2 (i)	3.177.554.037	3.298.220.637
Tiền thuê hạ tầng kỹ thuật tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc (ii)	26.652.951.842	27.264.527.087
	32.750.144.221	32.360.079.774

(i) Đây là tiền nhận chuyển nhượng lô đất thuê trả tiền một lần, tại xã Mê Linh, thành phố Hà Nội có diện tích 15.900 m² từ Công ty TNHH Dược phẩm 204 - Chi nhánh Vĩnh Phúc để sử dụng làm cơ sở sản xuất của Nhà máy dược phẩm số 2 (thông tin chi tiết về hợp đồng thuê đất tại Thuyết minh 22b), đang được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê đất.

(ii) Đây là tiền thuê hạ tầng kỹ thuật mà Công ty đã thanh toán một lần cho toàn bộ thời gian thuê tại Khu Công nghệ Cao Hòa Lạc (thông tin chi tiết về hợp đồng thuê tại Thuyết minh 22b), đang được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	47.110.513.665	94.291.076.144	11.838.662.618	987.164.460	123.992.000	154.351.408.887	
Mua trong năm	-	4.213.008.287	215.000.000	298.469.700	-	4.726.477.987	
Số dư cuối năm	47.110.513.665	98.504.084.431	12.053.662.618	1.285.634.160	123.992.000	159.077.886.874	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	33.482.096.116	76.639.128.768	8.866.039.322	817.873.321	123.992.000	119.929.129.527	
Khấu hao trong năm	2.037.564.640	3.946.516.837	822.711.461	112.783.249	-	6.919.576.187	
Số dư cuối năm	35.519.660.756	80.585.645.605	9.688.750.783	930.656.570	123.992.000	126.848.705.714	
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	13.628.417.549	17.651.947.376	2.972.623.296	169.291.139	-	34.422.279.360	
Tại ngày cuối năm	11.590.852.909	17.918.438.826	2.364.911.835	354.977.590	-	32.229.181.160	

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 10.830.571.562 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 14.058.723.153 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 75.551.022.288 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 72.227.494.774 VND).

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm máy tính có tổng nguyên giá là 307.325.000 VND, giá trị hao mòn lũy kế là 295.568.760 VND, khấu hao trong năm là 7.425.000 VND, trong đó nguyên giá của phần mềm máy tính đã được khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 270.000.000 VND.

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	11.361.119.544	11.361.119.544
Số dư cuối năm	11.361.119.544	11.361.119.544
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	9.480.463.590	9.480.463.590
Khấu hao trong năm	249.051.245	249.051.245
Số dư cuối năm	9.729.514.835	9.729.514.835
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.880.655.954	1.880.655.954
Tại ngày cuối năm	1.631.604.709	1.631.604.709

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.631.604.709 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 1.880.655.954 VND).

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 5.536.880.137 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 3.573.651.043 VND).

Trong năm, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 2.680.963.644 VND (năm trước là 2.226.480.000 VND).

Các khoản tiền thuê thu được hàng kỳ trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh 22a.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự án Trung tâm khoa học công nghệ dược và Nhà máy ứng dụng sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-EU	180.450.934.936	177.699.169.876
	180.450.934.936	177.699.169.876

Dự án đầu tư Trung tâm khoa học công nghệ dược và Nhà máy ứng dụng sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-EU được chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 77/QĐ-CNCHL ngày 19 tháng 07 năm 2019 của Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc với các thông tin chủ yếu của dự án như sau:

- Tên dự án đầu tư: Trung tâm khoa học công nghệ dược và Nhà máy ứng dụng sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-EU;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex;
- Mục tiêu của dự án: sản xuất sản phẩm thuốc tân dược, thuốc dược liệu, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và mỹ phẩm;
- Địa điểm đầu tư tại: Lô CN2-9-3&4 Khu công nghiệp Công nghệ cao 2, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; thời hạn thuê đất đến ngày 19 tháng 07 năm 2069;
- Quy mô xây dựng: khoảng 34.300 m² sàn xây dựng, bao gồm các hạng mục: nhà xưởng sản

- xuất, nhà văn phòng, kho nguyên liệu và các công trình phụ trợ;
- Tổng mức đầu tư ban đầu là khoảng 724,772 tỷ VND (trong đó vốn tự có 340 tỷ VND, vốn huy động 384,772 tỷ VND);
- Thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp quyết định chủ trương đầu tư;
- Tiến độ thực hiện dự án: nghiệm thu công trình đưa vào vận hành sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ của giai đoạn I từ Quý II/2022, giai đoạn 2 từ Quý IV/2022. Sau đó, tiến độ dự án đã được điều chỉnh: giai đoạn 1 và giai đoạn 2 hoàn thành từ Quý 4/2022 (theo Quyết định số 81/QĐ-CNCHL ngày 11 tháng 05 năm 2020 của Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc). Tuy nhiên, dự án hiện đang bị chậm so với tiến độ được phê duyệt điều chỉnh.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đã ban hành Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 235/QĐ-CNCHL. Theo đó, tổng vốn đầu tư dự án được điều chỉnh là 892 tỷ VND (trong đó vốn tự có 422 tỷ VND, vốn huy động 470 tỷ VND); tăng quy mô sản xuất dự án, bổ sung Trung tâm khoa học công nghệ dược Mediplantex; thời gian hoàn thành giai đoạn I từ Quý II/2026, giai đoạn II từ Quý IV/2028.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, dự án đã đầu tư hoàn thành một số hạng mục thuộc giai đoạn I như: tường rào, nhà bảo vệ, ép cọc, phần xây thô của nhà văn phòng, Nhà xưởng B, C, mua sắm, lắp đặt thiết bị phục vụ thi công và một số hạng mục tư vấn khác.

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025 (đã trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Inbotech L.t.d	14.620.244.879	14.620.244.879	25.999.164.540	25.999.164.540
Công ty CP Thương mại Dược liệu Sơn Tùng	5.939.892.819	5.939.892.819	5.535.698.700	5.535.698.700
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu	1.418.990.697	1.418.990.697	2.593.889.345	2.593.889.345
Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Thăng Long	2.061.928.258	2.061.928.258	3.361.928.258	3.361.928.258
Công ty CP Xây dựng 556	1.773.213.724	1.773.213.724	2.973.213.724	2.973.213.724
Công ty CP Dược phẩm Benovas - Chi nhánh Hà Nội	2.563.080.840	2.563.080.840	1.838.099.520	1.838.099.520
Công ty CP Dược MediBros Miền Bắc	78.555.420	78.555.420	31.305.960	31.305.960
Các người bán khác	26.740.104.877	26.740.104.877	35.628.355.908	35.628.355.908
	55.196.011.514	55.196.011.514	77.961.655.955	77.961.655.955

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	15.933.360	7.971.783.533	7.987.716.893	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	9.214.972	-	1.406.201.697	1.411.176.844	14.190.119	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	948.938.843	4.825.980.517	3.399.492.850	-	2.375.426.510
Thuế thu nhập cá nhân	34.490.472	144.618.629	2.255.312.162	2.300.823.257	32.426.831	97.043.893
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	1.022.808.290	1.221.832.794	199.024.504	-
Các loại thuế khác	-	-	2.623.505.639	220.458.804	-	2.403.046.835
	43.705.444	1.109.490.832	20.105.591.838	16.541.501.442	245.641.454	4.875.517.238

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên khác		
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	2.629.491.197	551.369.850
Công ty CP Thương mại và Dược phẩm Hưng Việt	1.176.245.720	-
Công ty CP Dược phẩm REVO	1.250.963.719	-
Bà Huỳnh Thị Phương Tứ	-	4.738.387.536
Công ty CP DTS Việt Nam	1.100.367.651	2.730.225.107
Các khách hàng khác	9.027.667.445	7.755.447.813
	15.184.735.732	15.775.430.306

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	26.911.825	21.702.867
Chi phí phải trả khác	412.568.752	371.886.306
	439.480.577	393.589.173

19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	114.089.200	98.911.400
Cổ tức lợi nhuận phải trả	2.540.222.482	2.366.963.806
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Tân Phú Cường (i)	-	30.000.000.000
Phải trả về nhận ủy thác nhập khẩu	-	2.479.160.166
Các khoản phải trả, phải nộp khác	129.893.269	10.808.467
	2.784.204.951	34.955.843.839

- (i) Khoản phải trả về tiền ứng trước mà Công ty còn phải thanh toán cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Tân Phú Cường (tên trước đây là Công ty CP Công nghiệp Thương mại Tân Phú Cường) - ("Tân Phú Cường") liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2018/HTDT-MĐ-TPC ngày 24 tháng 10 năm 2018 để hợp tác thực hiện dự án tại 356-358 đường Giải phóng, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội. Vào ngày 23 tháng 08 năm 2023, Công ty và Tân Phú Cường đã ký Biên bản thỏa thuận chấm dứt, thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, hai bên thống nhất chấm dứt thực hiện hợp đồng hợp tác nêu trên, Công ty có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Tân Phú Cường toàn bộ số tiền gốc đã nhận từ Tân Phú Cường cho khoản đặt cọc/thanh toán là 160 tỷ VND (trong đó: 110 tỷ VND được thanh toán sau năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ký kết biên bản thanh lý; 50 tỷ VND còn lại được chia làm 03 đợt: Đợt 1 từ ngày 10-25/12/2023 tối thiểu 10 tỷ VND; Đợt 2 từ ngày 10-25/2/2024 tối thiểu 10 tỷ VND; Đợt 3: từ ngày 10-25/4/2024 số tiền còn lại). Trong năm 2025, Công ty đã thanh toán hết toàn bộ số tiền cho Tân Phú Cường.

20 VAY NGÁN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	27.786.636.987	27.786.636.987	133.282.028.828	127.154.835.768	33.913.830.047	33.913.830.047
	27.786.636.987	27.786.636.987	133.282.028.828	127.154.835.768	33.913.830.047	33.913.830.047

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2025	01/01/2025	
					VND	VND	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch	VND	Thả nổi	Không quá 6 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Quyền sử dụng 15.900 m2 đất thuê trả tiền 1 lần tại thửa đất xã Mê Linh, thành phố Hà Nội và toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển tại đây	13.004.969.816	17.483.814.602
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	VND	Thả nổi	Không quá 6 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản gắn liền với đất tại 356-358 Giải Phóng theo GCN số B1486596 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 05/06/2013; toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển tại 356-358 Giải Phóng hình thành từ vốn vay của Ngân hàng Công Thương; Xe ô tô Toyota Landcruiser BKS 30F-849.79; máy móc dây chuyền thiết bị thuộc Dự án đầu tư Máy sắc khí lỏng, trạm biến áp và dây chuyền sản xuất kem tan mỡ	630.813.750	7.646.862.419
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Sở giao dịch	VND	Theo từng Giấy nhận nợ	5 tháng - 6 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp	19.638.899.779	-
Vay cá nhân	VND	0,5% /tháng		Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp	639.146.702	2.655.959.966
					33.913.830.047	27.786.636.987	

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	124.100.000.000	121.230.075.000	69.782.414.151	12.084.103.388	327.196.592.539
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.246.766.212	15.246.766.212
Chia cổ tức	-	-	-	(11.169.000.000)	(11.169.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(411.180.000)	(411.180.000)
Số dư cuối năm trước	124.100.000.000	121.230.075.000	69.782.414.151	15.750.689.600	330.863.178.751
Lãi trong năm nay	-	-	-	15.833.436.484	15.833.436.484
Chia cổ tức	-	-	-	(14.892.000.000)	(14.892.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(493.169.712)	(493.169.712)
Số dư cuối năm nay	124.100.000.000	121.230.075.000	69.782.414.151	16.198.956.372	331.311.445.523

Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/MED ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2024	15.246.766.212
Lợi nhuận để lại các năm trước	503.923.388
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	493.169.712
Chi trả cổ tức (12% vốn điều lệ) (i)	14.892.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	365.519.888

(i) Ngày 07 tháng 07 năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết 08/2025/NQ-HĐQT để thông quan phương án chi trả cổ tức năm 2024, theo đó: tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 12%/vốn điều lệ; ngày đăng ký cuối cùng là ngày 17 tháng 07 năm 2025; ngày thanh toán cổ tức là ngày 31 tháng 07 năm 2025.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	Tỷ lệ %	01/01/2025 VND	Tỷ lệ %
Bà Trần Nguyễn Hoàng Phúc	27.619.000.000	22,26	27.619.000.000	22,26
Bà Nguyễn Ngọc Xuân Trang	35.430.440.000	28,55	35.430.440.000	28,55
Tổng Công ty Dược Việt Nam	14.275.000.000	11,50	14.275.000.000	11,50
Ông Trần Toàn Thắng	8.005.870.000	6,45	3.275.870.000	2,64
Ông Trần Hoàng Dũng	10.000.000.000	8,06	10.000.000.000	8,06
Các cổ đông khác	28.769.690.000	23,18	33.499.690.000	26,99
	124.100.000.000	100	124.100.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	124.100.000.000	124.100.000.000
- Vốn góp cuối năm	124.100.000.000	124.100.000.000
Chia cổ tức:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	2.366.963.806	2.218.786.353
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	15.170.134.120	11.169.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	15.170.134.120	11.169.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong năm	14.996.875.444	11.020.822.547
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	14.996.875.444	11.020.822.547
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	2.540.222.482	2.366.963.806

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.410.000	12.410.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.410.000	12.410.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.410.000	12.410.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.410.000	12.410.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.410.000	12.410.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	69.782.414.151	69.782.414.151
	69.782.414.151	69.782.414.151

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	1.514.040.000	2.226.480.000

b) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các hợp đồng thuê đất và cơ sở hạ tầng trên địa bàn thành phố Hà Nội để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

TT	Vị trí khu đất	Bên cho thuê	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn thuê	Hình thức thanh toán tiền thuê
1	Thuê đất tại Lô 9-3, 9-4 thuộc lô CN2-9 Khu công nghiệp Công nghệ cao 2, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	30.352 m ²	Thực hiện dự án đầu tư	48 năm 07 tháng 19 ngày, kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2020 đến hết ngày 19 tháng 07 năm 2069	Tền thuê đất được miễn trong toàn bộ thời gian thuê nhưng sẽ phải hoàn trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cho Ngân sách nhà nước
2	Thuê hạ tầng kỹ thuật trong Khu công nghiệp Công nghệ cao 2, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Hạ tầng dùng riêng 30.350 m ² và hạ tầng dùng chung	Thực hiện dự án đầu tư như mục đích thuê đất	Đến hết ngày 26 tháng 12 năm 2068 và có thể được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 19 tháng 07 năm 2069	Thanh toán một lần cho toàn bộ thời gian thuê
3	Thuê đất tại xã Mê Linh, thành phố Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	15.900 m ²	Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc	Đến hết ngày 07 tháng 03 năm 2051	Đã trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê
4	Thuê đất tại 356 và 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	10.464 m ² Trong đó: đất trong chỉ giới mở đường theo quy hoạch là 3.526,7 m ²	Làm trụ sở làm việc, xưởng sản xuất và kho thuốc	Đất ngoài chỉ giới: thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 07 tháng 12 năm 2004 Đất trong chỉ giới: thời hạn thuê hàng năm	Trả tiền thuê đất hàng năm

TT	Vị trí khu đất	Bên cho thuê	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn thuê	Hình thức thanh toán tiền thuê
5	Thuê đất tại 118 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	2.843 m ² Trong đó: đất trong chỉ giới mở đường theo quy hoạch là 241 m ²	Làm kho thuốc	Đất ngoài chỉ giới: 50 năm kể từ ngày 07 tháng 12 năm 2004 Đất trong chỉ giới: thời hạn thuê hàng năm	Trả tiền thuê đất hàng năm
6	Thuê đất tại Tổ 14, phường Mỹ Đình, thành phố Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	24.758,7 m ²	Làm cơ sở sản xuất	5 năm từ ngày 14 tháng 01 năm 2022 đến ngày 13 tháng 01 năm 2027	Trả tiền thuê đất hàng năm
7	Thuê đất tại 739 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, thành phố Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội (chưa ký hợp đồng)	200 m ²	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Hàng năm	Trả tiền thuê đất hàng năm

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
USD	1.360,17	16.609,45
EUR	231,07	241,09

23 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán dược phẩm	365.033.095.682	440.025.556.772
- Doanh thu bán trong nước	355.103.009.841	424.420.193.824
- Doanh thu hàng xuất khẩu	9.930.085.841	15.605.362.948
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.250.641.723	2.914.128.869
- Doanh thu dịch vụ cho thuê kho, nhà xưởng	2.680.963.644	2.226.480.000
- Doanh thu dịch vụ ủy thác nhập khẩu	569.678.079	687.648.869
Doanh thu khác	692.969.288	511.070.193
	368.976.706.693	443.450.755.834

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	14.516.637.560	75.445.013.056
--	----------------	----------------

24 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hàng bán bị trả lại	2.147.088.460	314.944.100
	2.147.088.460	314.944.100

Trong đó: Các khoản giảm trừ doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	-	292.179.200
---	---	-------------

25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	280.790.894.185	350.033.176.781
- Giá vốn bán trong nước	273.036.095.215	340.499.392.656
- Giá vốn hàng xuất khẩu	7.754.798.970	9.533.784.125
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	251.733.205	586.161.138
- Giá vốn dịch vụ cho thuê kho, nhà xưởng	251.733.205	293.780.720
- Giá vốn dịch vụ ủy thác nhập khẩu	-	292.380.418
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(44.921.265)
	281.042.627.390	350.574.416.654
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	7.040.000	-
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)		

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	490.903.696	790.107.007
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	876.608.533	1.404.800.727
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.637.313	-
	1.371.149.542	2.194.907.734

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	2.316.002.212	3.787.313.457
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.359.217.510	2.075.618.110
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	19.531.440
	3.675.219.722	5.882.463.007

28 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.071.624	287.610.965
Chi phí nhân công	2.091.133.208	2.823.818.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.129.343.773	4.072.461.257
Chi phí khác bằng tiền	1.312.826.690	772.475.138
	4.734.375.295	7.956.365.486

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.218.600.592	880.905.601
Chi phí nhân công	40.017.304.267	40.315.595.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.192.331.540	2.147.562.733
Thuế, phí và lệ phí	4.249.266.710	2.212.427.634
Chi phí dự phòng	1.381.577.720	2.248.070.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.414.843.484	8.618.380.580
Chi phí khác bằng tiền	4.152.849.341	5.988.635.984
	58.626.773.654	62.411.577.931

30 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thuê đất được giảm	597.073.512	1.194.147.024
Thu nhập khác	25.236.752	1
	622.310.264	1.194.147.025

31 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	16.213.601
Các khoản bị phạt	84.663.973	120.719.169
Các khoản khác	1.004	145.002.751
	84.664.977	281.935.521

32 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	20.659.417.001	19.418.107.894
Các khoản điều chỉnh tăng	3.470.485.582	1.438.600.516
- Khấu hao xe ô tô vượt mức quy định	272.096.000	272.960.000
- Thủ lao HĐQT không được trừ	298.429.408	249.000.000
- Các khoản phạt hành chính, phạt thuế, chậm nộp thuế	2.706.169.612	120.719.169
- Các chi phí không được trừ khác	193.790.562	795.921.347
Thu nhập chịu thuế TNDN	24.129.902.583	20.856.708.410
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.825.980.517	4.171.341.682
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	948.938.843	651.910.934
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.399.492.850)	(3.874.313.773)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.375.426.510	948.938.843

33 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.833.436.484	15.246.766.212
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.833.436.484	15.246.766.212
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.410.000	12.410.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.276	1.229

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198.216.182.422	198.452.588.997
Chi phí nhân công	66.509.544.556	67.886.445.644
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.027.950.203	1.887.372.580
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.176.052.432	7.915.624.907
Thuế, phí và lệ phí	4.249.266.710	2.230.706.208
Chi phí dự phòng	1.381.577.720	2.248.070.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.786.609.761	23.055.945.702
Chi phí khác bằng tiền	6.064.179.115	8.868.719.257
	299.411.362.919	312.545.473.304

35 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	133.282.028.828	157.753.262.672
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	127.154.835.768	194.429.711.630

36 THÔNG TIN KHÁC

a) Hợp tác kinh doanh tại số 190, tổ 14, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là số 190, tổ 14, phường Mỹ Đình, thành phố Hà Nội)

Vào ngày 01 tháng 06 năm 2017, Công ty và Công ty CP Sông Châu ("Sông Châu") đã ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD để hợp tác thực hiện dự án Đầu tư xây dựng tổ hợp công trình trụ sở cơ quan, viện nghiên cứu, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở để bán Central Residence ("Dự án") tại số 190, tổ 14, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội ("khu đất") (nay là số 190, tổ 14, phường Mỹ Đình, thành phố Hà Nội). Theo đó, hai bên đã thống nhất các nội dung chính sau:

- Công ty sẽ góp vốn bằng giá trị toàn bộ tài sản trên đất của khu đất. Hai bên sẽ thuê đơn vị độc lập có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị góp vốn bằng tài sản trên khu đất của Công ty vào Dự án; Sông Châu góp bằng toàn bộ vốn để thực hiện dự án, bao gồm: vốn tự có, vốn huy động, vốn vay hợp pháp; việc góp vốn sẽ được thực hiện theo tiến độ của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và được sự thống nhất giữa hai bên.
- Hai bên thống nhất sử dụng tài sản hình thành từ việc hợp tác kinh doanh để thành lập Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Smart City ("Smart City") là chủ đầu tư Dự án. Sau khi chủ đầu tư được thành lập, mọi hoạt động liên quan đến việc tổ chức thực hiện toàn bộ Dự án sẽ do chủ đầu tư chịu mọi trách nhiệm thực hiện. Công ty sẽ ủy quyền cho Sông Châu đại diện cho Công ty quản lý, điều hành và quyết định mọi vấn đề liên quan đến Smart City (tài sản, vốn, hoạt động kinh doanh...).
- Tổng mức đầu tư dự kiến của Dự án được xác định bằng tổng giá trị tài sản trên đất của khu đất cộng với số vốn cần thiết để thực hiện Dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư cho đến nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng và quyết toán dự án hoàn thành. Dự kiến tổng mức đầu tư Dự án khoảng 2.000 tỷ VND.
- Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến: Dự án sẽ được hoàn thành và đưa vào sử dụng trong thời gian dự kiến 48 tháng kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư; thời hạn thực hiện hợp đồng tối thiểu là 50 năm.
- Lợi nhuận thu được từ việc kinh doanh, sau khi Chủ đầu tư thực hiện tất cả các khoản đóng góp về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, sẽ được phân chia cho hai bên theo tỷ lệ/giá trị vốn góp của hai bên.

Tại các Phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh ký vào ngày 01 tháng 06 năm 2017, Công ty và Sông Châu đã thống nhất bổ sung và điều chỉnh nội dung hợp đồng, chủ yếu như sau:

- Thống nhất giá trị toàn bộ tài sản trên đất của khu đất trên cơ sở Biên bản thẩm định giá của đơn vị tư vấn thẩm định giá là 15 tỷ VND. Hai bên thống nhất sử dụng tài sản hình thành từ việc hợp tác kinh doanh để thành lập Smart City với vốn điều lệ là 100 tỷ VND trong đó: Công ty góp 15 tỷ VND, tương đương 15% vốn điều lệ; Sông Châu góp 85 tỷ VND, tương đương 85% vốn điều lệ.
- Phân chia kết quả kinh doanh quy định trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh:
 - + Giá trị lợi nhuận Công ty được chia từ kết quả hợp tác kinh doanh được hai bên thống nhất bằng số tiền là 23 tỷ VND. Giá trị này Công ty được hưởng không thay đổi trong suốt quá trình đầu tư thực hiện dự án. Tiến độ chuyển tiền: Đợt 1 sau khi ký kết Phụ lục hợp đồng Sông Châu chuyển cho Công ty số tiền là 8 tỷ VND; Đợt 2 sau khi có Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố Hà Nội để giao chủ đầu tư thực hiện dự án, Sông Châu sẽ chuyển trả nốt số tiền mà Công ty được hưởng với số tiền là 15 tỷ VND.
 - + Sông Châu được hưởng toàn bộ lợi nhuận còn lại của dự án sau khi đã trừ phần phân chia lợi nhuận cho Công ty.

Vào ngày 16 tháng 06 năm 2017, Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Smart City ("Smart City") đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu công ty TNHH hai thành viên trở lên với mã số 0107889046, với vốn điều lệ 100 tỷ VND, trụ sở chính tại số 190, tổ 14, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện thủ tục bàn giao tài sản trên đất và khu đất cho Smart City. Sông Châu đã chuyển cho Công ty số tiền lợi nhuận 8 tỷ VND, Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 sau khi bù trừ với các chi phí liên quan đến tài sản trên đất trước đây.

Đến nay, Dự án chưa được triển khai đầu tư do Smart City vẫn chưa hoàn thành thủ tục phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư cho Dự án, chưa hoàn thành chuyển đổi mục đích sử dụng đất và thay đổi tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty chưa ghi nhận giá trị tài sản góp vốn nào vào khoản đầu tư này. Công ty đang thực hiện rà soát hồ sơ và pháp lý của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD và các Phụ lục liên quan, để thực hiện thay đổi, điều chỉnh, thanh lý theo đúng quy định của pháp luật.

b) Hợp tác kinh doanh tại lô đất 118 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là 118 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội)

Ngày 25 tháng 12 năm 2009, Công ty và Công ty CP Lắp máy Điện nước và Xây dựng ("COWAELMIC") đã ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư số 35/2009/HĐHT về việc Hợp tác đầu tư thực hiện dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng Nhà ở chung cư cao tầng tại lô đất 118 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội ("Khu đất") (nay là 118 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội). Theo đó, hai bên đã thống nhất các nội dung chính sau:

- Công ty góp diện tích đất 2.843,4 m² (trong đó khoảng 280 m² đường đi chung) và giấy tờ hiện có của Khu đất vào COWAELMIC để cùng hợp tác đầu tư và ủy quyền cho COWAELMIC làm Chủ đầu tư thực hiện toàn bộ dự án đầu tư xây dựng Nhà ở chung cư cao tầng tại Khu đất. Việc ủy quyền này không được hủy ngang trong bất kể trường hợp nào.
- Công ty đồng ý chuyển giao toàn bộ diện tích đất và giấy tờ hiện có của Khu đất để COWAELMIC chịu trách nhiệm hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết và làm Chủ đầu tư thực hiện toàn bộ dự án xây dựng Nhà ở chung cư cao tầng tại Khu đất mà không có thêm bất kỳ một điều kiện nào khác.
- Tỷ lệ góp vốn thực hiện dự án được phân chia theo tỷ lệ: Công ty góp diện tích đất 2.843,4 m² (trong đó khoảng 280 m² đường đi chung) của Khu đất; COWAELMIC góp toàn bộ vốn thực hiện dự án đã đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; tiền độ góp vốn theo tiền độ thực hiện dự án được Hội đồng quản trị COWAELMIC quyết định; nguồn vốn thực hiện dự án do COWAELMIC chịu trách nhiệm.
- Tiến độ thực hiện dự án: chuẩn bị đầu tư dự kiến 15 tháng; thực hiện đầu tư dự kiến 20 tháng; kết thúc đầu tư dự kiến 6 tháng; khai thác và sử dụng các năm tiếp theo.
- Thời hạn hợp tác đầu tư: Hợp đồng hợp tác đầu tư có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc sau khi đã quyết toán vốn đầu tư được hai bên chấp nhận.
- Các bên sẽ được hưởng lãi và các quyền lợi khác tương ứng với tỷ lệ góp vốn do hai bên thỏa thuận, COWAELMIC là chủ đầu tư sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước.
- COWAELMIC có trách nhiệm thành lập Ban điều hành dự án, về nhân sự do hai bên cử người của mỗi bên. Chế độ tài chính kế toán của doanh nghiệp, việc hạch toán thu chi, quyết toán tài chính của dự án sẽ do COWAELMIC thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Ngày 28 tháng 12 năm 2009, Công ty và COWAELMIC đã ký kết Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 36/2009/PL-HĐHT để thống nhất bổ sung và điều chỉnh nội dung hợp đồng, chủ yếu như sau:

Sửa đổi Điều 4 "Quyền lợi và trách nhiệm của các bên":

- Quyền lợi của Công ty: sau khi ký Phụ lục hợp đồng này COWAELMIC chuyển cho Công ty số tiền 19,15 tỷ VND, bao gồm lợi nhuận và chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí di chuyển kho tàng của việc hợp tác kinh doanh tại Khu đất. Giá trị này Công ty được hưởng không thay đổi trong suốt quá trình đầu tư thực hiện dự án. Tiến độ chuyển tiền: đợt 1 sau khi ký kết phụ lục hợp đồng này COWAELMIC chuyển cho Công ty 18,65 tỷ VND (bao gồm cả số tiền mà COWAELMIC đã đặt cọc), thời hạn cuối cùng là hết 30/12/2009; đợt 2 sau khi có quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án COWAELMIC chuyển trả nốt số tiền 500 triệu VND.
- Quyền lợi của COWAELMIC: được chủ động phương án kinh doanh và hưởng toàn bộ lợi nhuận còn lại của dự án sau khi trừ phần phân chia lợi nhuận cho Công ty.

Ngày 05 tháng 10 năm 2017, Công ty và COWAELMIC đã ký kết Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 37/2017/PL-HĐHT để thống nhất bổ sung nội dung hợp đồng, chủ yếu như sau:

- COWAELMIC sẽ đại diện cho hai bên thực hiện toàn bộ các hoạt động về lập, thẩm định và phê duyệt dự án; hoạt động thực hiện dự án; hoạt động khai thác, kinh doanh dự án, hoạt động huy động vốn cho dự án, quản lý sử dụng vốn đầu tư; hoàn thiện các thủ tục về đất đai của dự án; COWAELMIC sẽ tự gánh chịu toàn bộ các vấn đề phát sinh và các hậu quả pháp lý khi thực hiện các nội dung trên; Công ty được miễn trừ toàn bộ trách nhiệm đối với các vấn đề phát sinh và các hậu quả pháp lý khi COWAELMIC thực hiện các hoạt động này.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, Công ty và COWAELMIC đã ký kết Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 38/2018/PL-HĐHT để thống nhất bổ sung nội dung hợp đồng và thay thế phụ lục ngày 28/12/2009 (Phụ lục 36/2009/PL-HĐHT), chủ yếu như sau:

- Hình thức hợp tác đầu tư: thành lập pháp nhân mới Công ty TNHH Bình An - Cowaelmic vốn điều lệ 90 tỷ VND, trong đó Công ty nắm giữ 5,56% tương đương 5 tỷ VND, bên COWAELMIC nắm giữ 94,44% tương đương 85 tỷ VND. (đã được điều chỉnh tại phụ lục 40: Không thành lập Công ty dự án nữa).
- Trách nhiệm của bên Mediplantex: Đảm bảo duy trì tính pháp lý của Khu đất phù hợp để các bên sử dụng được Khu đất vào Khai thác thực hiện Dự án. Chuyển giao mặt bằng Khu đất, các giấy tờ pháp lý của khu đất cho COWAELMIC để sử dụng phục vụ cho việc thực hiện các thủ tục pháp lý.
- Trách nhiệm của COWAELMIC: thu xếp toàn bộ vốn đầu tư của dự án, thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật để Dự án được chấp thuận, phê duyệt theo quy định, quản lý khu đất và thực hiện dự án.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018, Công ty và COWAELMIC đã ký kết Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 39/2018/PL-HĐHT để bổ sung một số nội dung của Phụ lục số 38/2018/PL-HĐHT, chủ yếu như sau:

- Xác định hình thành vốn góp của Công ty trong vốn điều lệ của Công ty dự án: Vốn góp của Công ty trong Công ty dự án không được hình thành từ việc góp vốn bằng tiền mặt mà được hình thành từ các nguồn: các bên thừa nhận và công nhận giá trị quyền được đầu tư vào Dự án của Công ty, giá trị tài sản gắn liền với đất còn lại trên Khu đất.
- Công ty được hưởng quyền lợi phát sinh từ phần vốn góp thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty dự án. Ngoài hình thức thụ hưởng quyền lợi này, Công ty không được thu hồi vốn đầu tư và thụ hưởng các lợi ích phát sinh theo bất cứ hình thức nào khác.

Tháng 12 năm 2020, Công ty và COWAELMIC đã ký kết Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/2020/PL-HĐHT để sửa đổi một số nội dung của hợp đồng và thay thế phụ lục số 38/2018/PL-HĐHT ngày 10/12/2018, chủ yếu như sau:

- Căn cứ Khoản 9 Điều 3, Điều 28, Điều 29 Luật Đầu tư, các bên thống nhất đổi tên "Hợp đồng hợp tác đầu tư" thành "Hợp đồng hợp tác kinh doanh" (hợp đồng BCC).
- Công ty có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất 2.843,4m² tại Khu đất, đồng ý hợp tác với COWAELMIC để khai thác phát triển dự án xây dựng nhà ở chung cư kết hợp dịch vụ thương mại và văn phòng; Các Bên cùng thực hiện các thủ tục pháp lý theo thỏa thuận trách nhiệm của các bên mà hai bên đã thống nhất để đề xuất Dự án với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn, chấp thuận cho Các bên được đầu tư Dự án; được thực hiện các thủ tục về lập, thẩm định, phê duyệt Dự án.
- Đối với vốn góp để thực hiện dự án: chiếm 20% tổng mức đầu tư tương đương 84.489.225.000 VND. Trong đó, Công ty sẽ góp 4.224.461.280 VND bằng tiền mặt và COWAELMIC sẽ góp 80.264.764.320 VND bằng tiền mặt. Đối với phần vốn huy động và vốn khác: chiếm 80% tổng mức đầu tư sẽ do COWAELMIC chịu trách nhiệm thực hiện và chịu trách nhiệm với bên thứ 3 trước pháp luật.
- Phân chia kết quả đầu tư kinh doanh giữa các bên: Sau khi dự án hoàn thành, các bên thống nhất phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp.

Ngày 20 tháng 04 năm 2011, UBND thành phố Hà Nội có văn bản số 2881/UBND-KH&ĐT về việc chấp thuận đề xuất Dự án xây dựng Tổ hợp dịch vụ thương mại công cộng kết hợp căn hộ tại 118 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Ngày 16 tháng 04 năm 2018, Sở Quy hoạch - Kiến trúc có văn bản số 2142/QHKT-TMB-PAKT (P1) chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc.

Ngày 10 tháng 09 năm 2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã có văn bản số 3880/KH&ĐT-NNS để gửi Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Công an thành phố Hà Nội về việc lấy ý kiến thẩm định Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư Dự án Tòa nhà Bình An - Cowaelmic tại số 118 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Đến nay, dự án vẫn chưa được triển khai do Công ty vẫn chưa hoàn thành thủ tục phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư cho Dự án. Công ty chưa ghi nhận giá trị tài sản góp vốn nào vào khoản đầu tư này. Công ty đang thực hiện rà soát hồ sơ và pháp lý của Hợp đồng hợp tác đầu tư số 35/2009/HĐHT và các Phụ lục liên quan, để thực hiện thay đổi, điều chỉnh, thanh lý theo đúng quy định của pháp luật.

37 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

38 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Dược phẩm An Hy	Cổ đông lớn của Công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty này
Công ty CP Dược Medibros Miền Bắc	Cùng chung người quản lý chủ chốt với Công ty đến ngày 01/11/2024
Công ty CP Dược Medibros Miền Trung	Cùng chung người quản lý chủ chốt với Công ty đến ngày 01/11/2024
Tổng Công ty Dược Việt Nam	Cổ đông lớn có người đại diện vốn là người quản lý chủ chốt của Công ty
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	(đã trình bày lại) VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	14.516.637.560	75.445.013.056
Công ty TNHH MTV Dược phẩm An Hy	14.516.637.560	21.420.860.752
Công ty CP Dược Medibros Miền Bắc	-	48.025.646.504
Công ty CP Dược Medibros Miền Trung	-	5.998.505.800
Mua hàng hóa, dịch vụ	7.040.000	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm An Hy	7.040.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	292.179.200
Công ty CP Dược Medibros Miền Bắc	-	292.179.200
Cổ tức đã trả	1.224.000.000	873.851.895
Cổ tức phải trả cho cổ đông cá nhân là thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.224.000.000	873.851.895

Các điều kiện và điều khoản của giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng cho các Công ty TNHH MTV Dược phẩm An Hy, Công ty CP Dược Medibros Miền Bắc, Công ty CP Dược Medibros Miền Trung ("các bên liên quan") chủ yếu được thực hiện theo các Hợp đồng nguyên tắc ký hàng năm và các hợp đồng mua bán cụ thể. Theo đó, Công ty sẽ bán các sản phẩm mà Công ty sản xuất đảm bảo chất lượng đăng ký cho các bên liên quan, các bên liên quan sẽ phân phối hàng hóa tại địa bàn mà hai bên đã thống nhất. Giá bán sẽ được quy định cụ thể trong hợp đồng mua bán hoặc phụ lục hợp đồng, giá bán có thể thay đổi và quy định trong phụ lục hợp đồng sau khi có thông báo của Công ty và được hai bên thống nhất. Để hỗ trợ phát triển thị trường, Công ty có thể xem xét hỗ trợ cho bên mua bằng việc điều chỉnh giảm giá hàng hóa hoặc khuyến mại bằng hàng. Trường hợp địa điểm giao hàng tại kho của Công ty thì chi phí bốc hàng lên xe của bên mua do Công ty chịu, trường hợp địa điểm giao hàng do bên mua chỉ định thì chi phí bốc dỡ hàng mỗi bên sẽ chịu một đầu.

Đối với các giao dịch còn lại với các bên liên quan khác được thực hiện theo các mức giá và các điều khoản, điều kiện tương tự như giao dịch với các bên không là bên liên quan.

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2025</u> VND	<u>Năm 2024</u> VND
Ông Trần Hoàng Dũng	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 30/05/2025)	145.663.862	1.125.013.635
Bà Đoàn Thị Hồng Thúy	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	275.200.000
Bà Nguyễn Ngọc Xuân Trang	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 30/06/2025)	50.000.000	-
Ông Trần Xuân Đình	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/06/2024) Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/06/2024, sau đó miễn nhiệm ngày 02/01/2025)	765.148.726	620.012.727
Bà Trần Nguyễn Hoàng Phúc	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 30/06/2025)	660.572.908	-
Ông Trần Nguyễn Hoàng Ân	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/06/2024) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2024)	876.150.733	329.330.000
Ông Thái Khắc Minh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/06/2024)	133.464.704	35.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/06/2024)	133.464.704	35.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuyên	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	75.500.000
Ông Đỗ Văn Tấn	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	75.500.000
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	75.500.000
Ông Mai Nhật Thanh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02/01/2025)	1.168.496.547	-
Ông Lê Thành Lâm	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/09/2025)	597.936.567	480.809.327
Ông Lê Hồng Trung	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/11/2024)	-	879.328.546
Ông Nguyễn Tiên Phong	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/11/2024)	-	906.020.546
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 27/04/2023) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/01/2024, miễn nhiệm ngày 26/06/2024) Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/07/2024)	813.944.968	571.519.527

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2025</u> VND	<u>Năm 2024</u> VND
Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	565.435.435
Ông Hồ Ngọc Tuấn	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 26/06/2024)	653.172.561	581.904.743
Ông Phùng Minh Thơm	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	53.000.000
Bà Hà Thị Bích Hạnh	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 26/06/2024)	624.416.306	392.435.882
Bà Đỗ Ngọc Thúy	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 26/06/2024)	220.115.776	170.839.438
Bà Dương Thị Minh Nguyệt	Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	181.469.581
Ông Trần Ngọc Hà	Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	291.563.222
Bà Lã Thị Trang Nhung	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/07/2024)	-	557.820.664

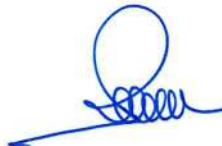
Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

39 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thanh Hằng
Người lập biểu



Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng




Mai Nhật Thanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG
MEDIPLANTEX
Số: 05/2026/CV-MED

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex

Địa chỉ: 358 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Hà Nội

Mã số thuế: 0100108430

Người công bố thông tin: Mai Nhật Thanh

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex giải trình về cơ sở đưa ra kết luận loại trừ trong BCTC năm 2025 đã được kiểm toán như sau:

- Do 2 hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD ngày 01/06/2017 và số 35/2009/HĐHT ngày 25/12/2009 của công ty đang trong quá trình làm việc với đối tác và các cơ quan quản lý về việc triển khai hợp đồng nên chưa có thông tin cung cấp cho kiểm toán.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần Dược trung ương Mediplantex báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên

-Lưu: VT

CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX



TỔNG GIÁM ĐỐC

Mai Nhật Thanh